



# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Số 14 Võ Nguyên Giáp, phường Kênh Dương, quận Lê Chân, Hải Phòng  
Tel: 84 - 225.3842151 Fax: 84.225.3842271; E-mail: sandp@vinaship.com.vn

## CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025 CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

**Địa điểm:** Hội Trường tầng 4 tòa nhà Vinaship  
**Số 14 Võ Nguyên Giáp, P. Kênh Dương, Q. Lê Chân, T/p Hải Phòng.**  
**Thời gian:** 08h30 ngày 25 tháng 4 năm 2025

Thời gian	Nội dung	Người giới thiệu/Người thực hiện
08:00 - 08:30	- Đón tiếp Đại biểu, đăng ký cổ đông dự Đại hội.	Ban tổ chức
08:30 - 08:40	- Khai mạc Đại hội - Giới thiệu chủ tịch Đoàn - Thông qua Ban thẩm tra tư cách cổ đông tham dự ĐH	Ban tổ chức
08:40 - 09:00	- Cử thư ký Đại hội - Thông qua nội dung chương trình Đại hội và Quy chế làm việc của Đại hội - Báo cáo thẩm tra tư cách cổ đông	Chủ tịch đoàn, Ban TTTC cổ đông
09:00 - 09:10	- Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2024, KH 2025	Chủ tịch HĐQT
09:10 - 09:30	- Báo cáo Kết quả hoạt động năm 2024. Phương hướng kế hoạch năm 2025	Tổng Giám đốc
09:30 - 09:40	- Báo cáo của Ban kiểm soát	Trưởng Ban KS
09:40 - 10:15	- Tờ trình về việc nhân sự HĐQT & BKS - Thông qua Quy chế bầu cử - Tiến hành bầu thành viên HĐQT & BKS	Chủ tịch đoàn
10:15 - 10:20	- Tờ trình về danh sách Công ty kiểm toán cho Báo cáo tài chính năm 2025;	Trưởng Ban KS
10:20 - 10:40	- Tờ trình về Báo cáo tài chính đã được kiểm toán, phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 - Tờ trình về quỹ tiền lương, thù lao HĐQT, BKS năm 2024 kế hoạch năm 2025; - Tờ trình về dự án mua tàu biển. - Tờ trình v/v Chuyển niêm yết cổ phiếu Vinaship từ Upcom sang HOSE - Tờ trình về việc thay đổi điều lệ Công ty	Chủ tịch đoàn
10:40 - 11:10	- Đại hội thảo luận và hỏi, đáp	Chủ tịch đoàn/ Đại hội
11:10 - 11:25	- Biểu quyết thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông	Chủ tịch đoàn
11:25 - 11:30	- Thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2025	Thư ký Đại hội
11:30	- Bế mạc Đại hội	Chủ tịch đoàn

Số: *MA* /QC-ĐHĐCĐ

Hải Phòng, ngày 04 tháng 4 năm 2025

**QUY CHẾ LÀM VIỆC**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2025**  
**CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

**Chương I**  
**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng**

Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 (sau đây gọi là “**Đại hội**”) của Công ty CP Vận tải biển Vinaship

Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của cổ đông, người tham dự họp Đại hội, điều kiện và thể thức tiến hành Đại hội

Cổ đông và các bên tham gia có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

**Điều 2. Điều kiện tham dự Đại hội**

Các cổ đông có tên trong danh sách cổ đông tại ngày chốt quyền tham dự Đại hội có quyền trực tiếp tham dự họp Đại hội hoặc ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội.

**Chương II**  
**QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM DỰ ĐẠI HỘI**

**Điều 3. Quyền của Cổ đông khi tham dự Đại hội**

Được biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020, các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty CP Vận tải biển Vinaship (Điều lệ).

Được Ban Tổ chức Đại hội thông báo công khai nội dung chương trình Đại hội.

Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền khi tham dự họp Đại hội được thảo luận và tiến hành biểu quyết thông qua các nội dung được nêu tại khoản 2 Điều này.

Mỗi cổ đông được cấp một Thẻ biểu quyết và Phiếu bầu, trong đó ghi thông tin của cổ đông, mã số cổ đông, số cổ phần được quyền biểu quyết (sở hữu và được ủy quyền) của cổ đông và có đóng dấu treo của Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship.

Giá trị biểu quyết của Thẻ biểu quyết và Phiếu bầu cử tương ứng với tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết mà người đó sở hữu hoặc đại diện theo đăng ký tham dự họp Đại hội trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các đại biểu có mặt tại Đại hội.





#### **Điều 4. Nghĩa vụ của Cổ đông khi tham dự họp Đại hội**

1. Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông khi tham dự họp Đại hội phải mang theo Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu, Giấy ủy quyền (nếu có) hoặc văn bản cử người đại diện phân vốn đối với cổ đông là tổ chức (đối với đại diện theo ủy quyền) và đăng ký tham dự Đại hội với Ban Kiểm tra tư cách cổ đông.

2. Tuân thủ các quy định tại Quy chế này, sự điều khiển của Chủ tịch và tôn trọng kết quả làm việc tại Đại hội.

#### **Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra tư cách Cổ đông**

1. Ban kiểm tra tư cách Cổ đông do Hội đồng quản trị Công ty CP Vận tải biển Vinaship chỉ định, có các nghĩa vụ sau:

a) Kiểm tra tư cách Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền đến dự họp: Kiểm tra Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu, Giấy mời họp, Giấy ủy quyền (nếu có);

b) Bố trí đủ nhân lực thực hiện việc theo dõi, ghi chép đầy đủ, chính xác kết quả biểu quyết tất cả các vấn đề của Đại hội;

c) Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách Cổ đông dự họp Đại hội.

2. Ban Kiểm tra tư cách Cổ đông có quyền thành lập bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ của Ban.

#### **Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm phiếu**

1. Ban Kiểm phiếu gồm một Trưởng Ban và một số ủy viên không phải là các ứng viên vào thành viên Hội đồng quản trị/Ban Kiểm soát, do Đoàn chủ tịch Đại hội đề cử và được Đại hội biểu quyết thông qua trước Đại hội.

2. Ban Kiểm phiếu có quyền thành lập một bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ của Ban.

3. Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ:

a) Đối với việc biểu quyết các nội dung tại Đại hội:

- Hướng dẫn Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông cách sử dụng Thẻ biểu quyết;

- Báo cáo kết quả biểu quyết trước Đại hội.

b) Đối với việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị/Ban Kiểm soát:

- Thông báo, hướng dẫn Quy chế bầu thành viên Hội đồng quản trị/Ban Kiểm soát;

- Hướng dẫn Cổ đông và người đại diện theo ủy quyền cách sử dụng Phiếu bầu cử;

- Tiến hành kiểm phiếu và lập Biên bản kiểm phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát;

- Báo cáo kết quả kiểm phiếu (Biên bản kiểm phiếu bầu cử) trước Đại hội.

#### **Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Đoàn chủ tịch**

- Điều khiển Đại hội theo đúng nội dung chương trình nghị sự, các thể lệ quy chế đã được Đại hội thông qua. Đoàn chủ tịch làm việc theo quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

- Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự của Đại hội và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại hội

- Giải quyết các vấn đề nảy sinh trong quá trình Đại hội.

#### **Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Ban Thư ký**

- Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn bảo lưu tại Đại hội.

- Soạn thảo Biên bản họp Đại hội và các Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông năm 2025.

### **Chương III TRÌNH TỰ TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI**

#### **Điều 9. Điều kiện tiến hành Đại hội**

Đại hội được tiến hành khi có số cổ đông tham dự đại diện cho ít nhất 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, theo danh sách cổ đông được lập tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để triệu tập họp Đại hội.

#### **Điều 10. Cách thức tiến hành Đại hội**

1. Đại hội dự kiến diễn ra trong ½ ngày.
2. Đại hội sẽ thông qua Chương trình họp Đại hội, lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung nêu tại Chương trình họp Đại hội.

#### **Điều 11. Thông qua Nghị quyết của Đại hội**

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành trong các trường hợp sau:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty
- e) Tổ chức lại, giải thể Công ty;

2. Các nghị quyết không thuộc khoản 1 thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành

3. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị, cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Việc bầu cử thực hiện theo Quy chế bầu thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship





### **Điều 12. Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông**

Tất cả các nội dung tại cuộc họp Đại hội phải được Ban Thư ký ghi vào Biên bản. Biên bản cuộc họp được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội và được lưu theo quy định.

## **Chương IV CÁC QUY ĐỊNH KHÁC**

### **Điều 13. Trường hợp tổ chức họp Đại hội không thành**

1. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

## **Chương V HIỆU LỰC THI HÀNH**

### **Điều 14. Hiệu lực thi hành**

1. Quy chế này gồm 5 Chương, 14 Điều, được thông qua ngày 04 tháng 04 năm 2025 và có hiệu lực kể từ ngày được thông qua.

2. Cổ đông và những người tham dự họp Đại hội có trách nhiệm thực hiện các quy định tại Quy chế này.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



*Nguyễn Ngọc Ánh*

Số: 112/VNS-HĐQT

Hải Phòng, ngày 04 tháng 4 năm 2025

**BÁO CÁO  
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG NĂM 2024 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2025**

**Kính thưa: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên và Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024 của Công ty cổ phần vận tải biển Vinaship;

Căn cứ tình hình sản xuất kinh doanh năm 2024 và các dự báo thị trường năm 2025;

Hội Đồng Quản Trị Công ty cổ phần vận tải biển Vinaship xin kính trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo tổng kết hoạt động năm 2024 và kế hoạch năm 2025 Hội đồng quản trị công ty như sau:

**PHẦN I**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT 2024**

**1. Tình hình chung**

Năm 2024, thị trường vận tải biển bị ảnh hưởng bởi những biến động của tình hình kinh tế - chính trị thế giới, đặc biệt là xung đột giữa Nga và Ukraine kéo dài và cuộc chiến giữa Israel và Hamas. Tình hình lạm phát ở nhiều quốc gia ảnh hưởng tiêu cực đến xu hướng tiêu dùng và nhu cầu vận chuyển hàng hóa.

Ngoài những khó khăn của thị trường vận tải biển, năm 2024 số tấn trọng tải vận doanh đội tàu Vinaship suy giảm hơn 46.000 DWT do đã bán thanh lý 2 tàu Vinaship Star (tháng 6/2024) và Vinaship Diamond (tháng 11/2024) trong khi tàu mới mua Vinaship Unity (28.189 DWT) chưa đưa vào khai thác do tiếp nhận vào tháng 12/2024 và phải đưa lên đà sửa chữa sau khi tiếp nhận nên hiệu quả kinh doanh vận tải biển năm 2024 sụt giảm.

Dù gặp không ít khó khăn nhưng Hội đồng quản trị đã bám sát, chủ động đánh giá thị trường, nắm bắt tình hình kinh tế chính trị xã hội để đưa ra những quyết định kịp thời, hợp lý; tận dụng tốt các cơ hội thị trường để tăng doanh thu và nâng cao





hiệu quả kinh doanh của đội tàu, hoàn thành kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

## **2. Đánh giá hoạt động của HĐQT trong năm 2024**

Trong tình hình chung năm 2024, với vai trò đại diện cho quyền lợi các cổ đông, Hội đồng quản trị công ty đã nêu cao tinh thần trách nhiệm cùng với Ban giám đốc chỉ đạo, điều hành, nỗ lực vượt lên những khó khăn, thách thức với một quyết tâm cao độ nhằm giữ ổn định và phát triển doanh nghiệp.

Hội đồng quản trị đã tổ chức 10 phiên họp, ban hành 12 Nghị quyết, 23 Quyết định theo thẩm quyền; tổ chức kiểm tra, giám sát, đôn đốc và chỉ đạo Ban giám đốc thực hiện đầy đủ Nghị quyết ĐHĐCĐ và Hội đồng quản trị đảm bảo cho Công ty phát triển đúng định hướng và hoàn thành kế hoạch các chỉ tiêu mà ĐHĐCĐ đã thông qua.

Phối hợp với Ban kiểm soát công ty xem xét tính hợp lệ các văn bản và báo cáo tài chính, lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY thực hiện kiểm toán và soát xét “Báo cáo tài chính hợp nhất 2024”.

## **3. Báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ và Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường năm 2024**

Trong năm 2024, trên cơ sở Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 26/4/2024 và Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường ngày 24/9/2024, Hội đồng quản trị luôn chủ động nắm bắt kịp thời các diễn biến tình hình kinh tế, chính trị xã hội trong nước và quốc tế; Phân tích, đánh giá những khó khăn, thuận lợi cũng như cơ hội, thách thức để kịp thời đưa ra những quyết sách đúng đắn và hiệu quả phù hợp với thực tế hoạt động SXKD của Công ty.

### **3.1 Kết quả SXKD**

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	KH 2024	TH 2024	So sánh (%)
					TH/ KH
1	Sản lượng vận tải	Tấn	1.192.800	1.497.900	125,58%
2	Tổng doanh thu	Tr đồng	628.546	730.631	116,24%
3	LN trước thuế	Tr đồng	57.971	82.215	141,82%

### **3.2. Đầu tư thanh lý tàu**

+ *Bán thanh lý tàu cũ:*

Công ty đã hoàn thành bán thanh lý thành công 02 tàu biển:

- Vinaship Star, trọng tải 23.949 DWT, năm đóng 1996 với giá bán là: 2.650.000 USD (Hai triệu, sáu trăm năm mươi nghìn Đô la Mỹ) tương đương 67,17 tỷ đồng.

- Vinaship Diamond, trọng tải 24.034 DWT, năm đóng 1996 với giá bán là: 62.000.000.000 đồng (Bằng chữ: sáu mươi hai tỷ đồng), chưa bao gồm thuế GTGT.

+ *Đầu tư tàu biển:*

Công ty đã mua thành công tàu hàng khô đã qua sử dụng “Vinaship Unity”, trọng tải 28.189 DWT, đóng năm 2012, giá mua 11,50 triệu usd tương đương 293.20 tỷ đồng, nhận bàn giao ngày 02/12/2024.

### 3.3. Báo cáo về kết quả tăng vốn điều lệ Công ty

Công ty đã hoàn thành việc tăng vốn điều lệ công ty từ 200 tỷ lên 339,99 tỷ đồng bằng hình thức chia thưởng cổ phiếu trong tháng 7/2024 qua đó tăng nguồn lực tài chính và khả năng cạnh tranh của Công ty trên thị trường vận tải biển.

### 3.4. Báo cáo về việc đầu tư xây dựng cơ bản

Dự án xây dựng trụ sở làm việc của Công ty tại số 14 Võ Nguyên Giáp, Quận Lê Chân, Hải Phòng đã hoàn thành xây dựng ngày 01/02/2024. Nghiệm thu, đưa vào sử dụng từ tháng 06/2024 và bắt đầu khai thác thương mại (cho thuê) từ quý 3/2024.

Tổng mức đầu tư được phê duyệt của dự án là 96,51 tỷ đồng và tổng mức đầu tư thực hiện theo số liệu kiểm toán là 94,20 tỷ đồng. Hiện Công ty đã hoàn tất báo cáo kiểm toán dự án.

## **4. Báo cáo tình hình nhân sự và thù lao Hội đồng quản trị năm 2024**

### 4.1. Nhân sự HĐQT

+ Từ 01/01/2024 đến 26/04/2024, HĐQT công ty gồm 05 thành viên có tên sau:

1. Ông Nguyễn Ngọc Ánh, Chủ tịch HĐQT
2. Ông Vương Ngọc Sơn, Phó chủ tịch HĐQT
3. Ông Dương Ngọc Tú, TV HĐQT
4. Ông Phạm Bá Chính, TV HĐQT

+ Từ ngày 26/04/2024 đến nay, Hội đồng quản trị công ty gồm 05 thành viên có tên sau:

1. Ông Nguyễn Ngọc Ánh, Chủ tịch HĐQT
2. Ông Vương Ngọc Sơn, Phó chủ tịch HĐQT
3. Ông Dương Ngọc Tú, TV HĐQT
4. Ông Phạm Bá Chính, TV HĐQT
5. Bà Vũ Thị Phương Thảo, TV HĐQT

### 4.2 Chi thù lao HĐQT năm 2024

Thù lao HĐQT và BKS được thực hiện chi trả đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 (*Chi tiết tại tờ trình về thù lao HĐQT & BKS*)



## **5. Báo cáo kết quả giám sát đối với Ban điều hành trong năm 2024**

Theo đánh giá của HĐQT, trong bối cảnh kinh tế, chính trị trong nước và thế giới diễn biến nhanh, phức tạp gây ra những ảnh hưởng đến thị trường vận tải biển, Ban điều hành và các cán bộ phận quản lý khác đã nỗ lực để thực hiện nhiệm vụ điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, bám sát các diễn biến thị trường và tận dụng các cơ hội đưa ra các quyết định phù hợp, quyết tâm áp dụng nhiều biện pháp tích cực, chủ động trong hoạt động khai thác đội tàu, quản lý kỹ thuật, nhiên liệu, phụ tùng vật tư, bố trí điều động và thay thuyền viên. Tiếp tục tham gia có hiệu quả vào hoạt động thương mại, đóng góp tích cực vào kết quả kinh doanh chung.

Ban điều hành đã cung cấp thông tin, báo cáo thường xuyên và đầy đủ cho Hội đồng quản trị, phục vụ kịp thời cho công tác chỉ đạo, giám sát của Hội đồng quản trị, ngoài ra Ban điều hành cũng liên tục trao đổi để xử lý kịp thời và hiệu quả các vấn đề phát sinh. Ban điều hành đã ban hành các quyết định, tờ trình theo đúng thẩm quyền, phù hợp với Pháp luật và Điều lệ công ty.

### **PHẦN II**

#### **KẾ HOẠCH SXKD VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2025**

##### **1. Kế hoạch SXKD và đầu tư, thanh lý:**

###### **1.1. Kế hoạch SXKD**

Chỉ tiêu SXKD năm 2025 được xây dựng như sau: (Chi tiết tại báo cáo Hoạt động sản xuất kinh doanh)

- + Tổng doanh thu : 745.000 triệu đồng
- + Lợi nhuận trước thuế : 117.500 triệu đồng

###### **1.2. Kế hoạch thanh lý và đầu tư tàu:**

###### **+ Kế hoạch thanh lý tàu:**

Bán thanh lý tàu Vinaship Pearl, (loại tàu hàng khô, trọng tải 24.241 DWT, đóng năm 1996) chậm nhất trước ngày 31/12/2025 với giá trị thanh lý ước khoảng 60 tỷ đồng.

###### **+ Kế hoạch đầu tư tàu:**

- Đầu tư 02 tàu hàng khô đã qua sử dụng, trọng tải từ 28.000 - 35.000 DWT, năm đóng: 2008 - 2014, với tổng mức đầu tư dự kiến khoảng 13 triệu USD/tàu.
- Thời gian dự kiến thực hiện: Từ khi được Đại hội phê duyệt cho đến kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026, nếu điều kiện thuận lợi.
- Nguồn vốn doanh nghiệp huy động từ nguồn vốn tự có và vay thương mại.



## **2. Kế hoạch quản trị nhân sự:**

- Đối với nguồn lực khối phòng ban, chi nhánh: Rà soát bộ máy tổ chức, rà soát nhân sự trong từng bộ phận: Rà soát về độ tuổi và lộ trình nghỉ hưu, nhóm lao động có thể kiêm nhiệm thêm công việc, nhóm lao động có thể luân chuyển công việc, thay thế các vị trí sắp nghỉ, từ đó lên kế hoạch tinh giảm và luân chuyển, sắp xếp lại công việc cho phù hợp.

- Đối với nguồn lực khối Sỹ quan thuyền viên: Chủ động cơ cấu lại đội ngũ sỹ quan, thuyền viên bằng việc ưu tiên sử dụng những thuyền viên có năng lực, mẫn cán, có nhiều đóng góp cho công ty, có ý thức tổ chức kỷ luật cao; không tái ký hợp đồng với những thuyền viên có chuyên môn và đạo đức kém.

## **3. Kế hoạch đổi mới sáng tạo:**

- Hoàn thiện các quy trình, quy chế, từng bước ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số vào công tác quản lý doanh nghiệp. Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động đổi mới sáng tạo qua việc khuyến khích thêm nhiều đề xuất Kaizen trong toàn Công ty.

- Triển khai các phương án cụ thể về tuân thủ quy định về chỉ số hiệu quả năng lượng đối với tàu hiện có (EEXI) và các biện pháp hạn chế công suất để đảm bảo phát thải theo đúng quy định và kế hoạch quản lý năng lượng tàu (SEEMP III) tuân thủ chỉ thị cường độ các bon (CII) theo sửa đổi bổ xung phụ lục 6 Marpol với mục tiêu thích ứng và giảm chuẩn bị thiếu những hệ lụy về kinh tế khi đội tàu già cũ phải tuân thủ các quy định.

## **3. Các hoạt động của Hội đồng quản trị**

Trong năm 2025, Hội đồng quản trị sẽ tập trung theo dõi chỉ đạo và đồng hành cùng ban điều hành và bộ máy quản lý trong việc điều hành SXKD một cách sát sao, quyết liệt và có hiệu quả nhất để công ty tiếp tục hoạt động ổn định, thực hiện tốt các nhiệm vụ trọng tâm đã đề ra như sau:

- Tập trung quản trị định hướng hoạt động kinh doanh và đưa ra những chỉ đạo kịp thời nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp, chỉ đạo và phối hợp với Ban điều hành thực hiện thành công kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 với các chỉ tiêu được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

- Nắm bắt kịp thời tình hình phát triển kinh tế trong nước và quốc tế, những chính sách vĩ mô của Nhà nước và Chính phủ để điều chỉnh, bổ sung kịp thời cho công tác quản lý điều hành, hạn chế những rủi ro cho Công ty;

- Thực hiện các thủ tục cần thiết để sửa đổi giấy đăng ký doanh nghiệp và các công việc liên quan khác nếu có, phát sinh từ việc sáp nhập tỉnh, thành, thay đổi tên và địa giới hành chính.

- Không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ, củng cố phát triển thị trường, xây dựng thương hiệu để giữ vững và mở rộng thị phần của công ty. Đẩy mạnh công tác tiếp thị, chăm sóc khách hàng, tuyển dịch vụ. Thắt chặt mối quan hệ hợp tác lâu dài

8/3/2025  
Y  
N  
E  
P  
H  
O  
N



với khách hàng chiến lược, đảm bảo duy trì nguồn hàng ổn định. Mặt khác, mở rộng đa dạng hóa thêm các dịch vụ khác.

- Quan tâm, đảm bảo quyền lợi hợp pháp của các cổ đông; tạo điều kiện thuận lợi để cổ đông được tiếp nhận thông tin nhanh và chính xác. Đảm bảo thu nhập, quyền lợi và điều kiện làm việc đối với người lao động công ty.

### III/- KẾT LUẬN

Nhận thức được năm 2025 tiếp tục là năm có nhiều khó khăn thách thức; tuy nhiên với sự quyết tâm của tập thể Hội đồng quản trị, Ban điều hành và CBNV công ty, chúng tôi tin tưởng rằng Vinaship sẽ phấn đấu đạt các chỉ tiêu đã đề ra và đảm bảo quyền lợi của cổ đông.

Hội đồng quản trị rất mong tiếp tục nhận được sự đồng hành, đóng góp của quý cổ đông để Công ty cổ phần vận tải biển Vinaship ngày càng phát triển.

Trên đây là báo cáo tổng kết hoạt động năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025 của Hội đồng quản trị Công ty.

Xin trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ Vinaship;
- Các thành viên HĐQT, BKS
- Lưu VP-HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Ngọc Ánh**

CTCP  
6

## **BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2024, VÀ KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2025**

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường năm 2024 của Công ty cổ phần vận tải biển Vinaship;

Căn cứ tình hình sản xuất kinh doanh năm 2024 và các dự báo thị trường năm 2025;

Ban điều hành Công ty Cổ phần vận tải biển Vinaship xin kính trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo kết quả SXKD năm 2024, và kế hoạch SXKD năm 2025 của Công ty như sau:

### **PHẦN I**

#### **KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024**

##### **1. Những khó khăn khi thực hiện kế hoạch SXKD.**

Dù đối mặt không ít thách thức, nền kinh tế toàn cầu vẫn duy trì nhịp tăng trưởng trong năm 2024. Theo số liệu của Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD), tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2024 của thế giới ước đạt 3,2%, nhỉnh hơn so với mức tăng 3,1% đạt được vào năm 2023, trong bối cảnh tốc độ lạm phát toàn cầu năm 2024 giảm còn 5,8%, từ mức 6,7% của năm 2023 và sẽ tiếp tục hạ về 4,3% vào năm 2025, theo dự báo của Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF). Làn sóng nổi lỏng tiền tệ lan ra toàn cầu khi ngân hàng trung ương của các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển cũng bắt đầu giảm lãi suất sau khi Cục dự trữ liên bang Mỹ (FED) và Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) lần lượt hạ lãi suất 3 và 4 lần trong năm 2024. Theo Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), tăng trưởng khối lượng thương mại năm 2024 dự báo đạt khoảng 2,7%, cao hơn mức 0,9% của năm 2023 nhưng vẫn thấp hơn mức trung bình 4,9% của giai đoạn 2000-2019.

Dữ liệu từ BIMCO, mức cung vận tải biển năm 2024 tăng khoảng 5% trong khi lượng cầu chỉ tăng 3,5%, cho thấy mức dư cung phần nào kìm hãm sự phục hồi thị trường cước vận tải biển. Đối với phân khúc thị trường mà đội tàu Vinaship đang tham gia, nhóm tàu nhỏ dưới 30.000 DWT trong quý 2 và 3 đã có một số khởi sắc nhất định, giá cước vận chuyển với một số mặt hàng như xi măng tăng nhẹ, gạo tăng mạnh và khối lượng vận chuyển tương đối ổn định, nhưng ở quý 1 và 4 thị trường có bị giảm sút đáng kể khiến kết quả chung cả năm bị ảnh hưởng.

Số tấn trọng tải vận doanh đội tàu biển Công ty suy giảm hơn 46.000 DWT do thanh lý 2 tàu Vinaship Star (tháng 6/2024) và Vinaship Diamond (tháng 11/2024)



trong khi tàu mới đầu tư Vinaship Unity (28.189 DWT) không kịp đưa vào khai thác trong năm 2024, các tàu handysize có độ tuổi cao từ 26 đến 28 tuổi tình trạng kỹ thuật xuống cấp nhiều, mang phân cấp VR nên gặp nhiều hạn chế về vùng hoạt động và giới hạn nhóm hàng vận chuyển nên nhìn chung khả năng cạnh tranh với nhóm tàu trẻ hơn là tương đối hạn chế.

Một số chân hàng như gạo nhập khẩu vào Indonesia vốn mang lại hiệu quả tương đối tốt trong năm 2023 thì sang năm 2024 phát sinh khá nhiều rủi ro về tác nghiệp hàng do luồng hàng được người mua điều chuyển về dỡ tại các cảng lẻ thay vì các cảng chính như năm trước, năng lực giải phóng hàng, kho bãi hạn chế, mật độ tàu đến cảng dồn ứ lại đông khiến phát sinh quá nhiều thời gian chờ cầu dỡ hàng, không chỉ làm giảm hiệu quả khai thác của một số tàu tham gia vận chuyển gạo như Vinaship Sea, Vinaship Gold, Mỹ Hưng mà còn gây ra nhiều hệ lụy như giảm tốc độ do hà bám dày vỏ tàu, thiệt hại thời gian quay vòng chuyển tiếp theo.

Biến đổi khí hậu và những điều kiện thời tiết cực đoan bất thường, như tần suất bão lớn dày đặc, mưa lũ liên tục kéo dài hàng tháng làm đình trệ mọi tác nghiệp hàng hoá ký nước, làm dồn ứ các tàu đến cảng gây tắc nghẽn cầu bến, hay gây gián đoạn chuỗi logistics cấp hàng sau bão lũ trong năm 2024 đã gây ra những thiệt hại không nhỏ về hiệu quả kinh doanh cả năm của một số tàu như Vinaship Diamond, Vinaship Gold.

Mặt bằng lãi suất tiền gửi tại các ngân hàng thương mại trong nước trong kỳ này khá thấp cũng làm thu nhập từ lãi tiền gửi VNĐ ngắn hạn của Công ty giảm so với năm 2023. Biến động tỷ giá USD/VNĐ lên xuống bất thường với biên độ lớn khiến chi phí chênh lệch tỷ giá trong một số kỳ hạch toán ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả cân đối kế toán của kỳ hạch toán đó.

## **2. Một số thuận lợi cơ bản và yếu tố ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh**

Những kết quả SXKD tăng trưởng mạnh mẽ trong các năm trước của Công ty và việc tăng vốn điều lệ thành công lên 339,99 tỷ đồng giúp tích lũy được nguồn tài chính dự phòng đảm bảo giải ngân đầy đủ, đúng tiến độ cho dự án xây dựng trụ sở Công ty, cũng như nguồn vốn đối ứng để thực hiện đầu tư trẻ hóa đội tàu Công ty.

Công ty cũng tạo dựng được mối quan hệ hợp tác lâu dài và được sử dụng ủng hộ từ một số khách hàng truyền thống trong việc phát triển COA vận chuyển xi măng, than cũng như dịch vụ thuê tàu ngoài đối với mặt hàng gạo xuất khẩu từ Việt Nam đi Indonesia. Trong năm 2024, công ty đã ký kết được một số hợp đồng COA xi măng và than với tổng sản lượng 320.800 MT tăng nhẹ so với chỉ tiêu kế hoạch. Trong khi hoạt động vận tải biển còn nhiều khó khăn, thì hoạt động dịch vụ thuê tàu ngoài năm 2024 ghi nhận những kết quả ấn tượng với tổng sản lượng đạt 133.200 tấn, tổng doanh thu: 106,77 tỷ đồng, mức tăng 266,94% so với kế hoạch năm 2024.

Trong năm 2024, mặc dù phải đối mặt với những bất lợi trong thủ tục đầu tư và nhu cầu tàu già cũ của nhóm khách hàng tiềm năng khu vực Trung Đông bị tạm dừng do căng thẳng Israel – Iran, Công ty đã hoàn thành dự án bán thanh lý tàu Vinaship Star giữa tháng 6/ 2024 và bán thanh lý tàu Vinaship Diamond cuối tháng 11/2024. Việc bán thanh lý tàu này giúp Công ty giảm áp lực về chi phí sửa chữa lớn, đồng thời bổ sung nguồn vốn đối ứng để thực hiện đầu tư tàu mới nhằm trẻ hóa đội tàu

Công ty. Sau hơn 10 năm không bổ sung thêm tấn trọng tải mới, việc thực hiện thành công dự án mua tàu hàng khô qua sử dụng Vinaship Unity (28.189 DWT đóng năm 2012), nhận bàn giao ngày 02/12/2024 đánh dấu bước khởi đầu thuận lợi cho mục tiêu nâng cao năng lực cạnh tranh của đội tàu và vươn ra các tuyến khai thác mới không hạn chế bên ngoài khu vực Đông Nam Á.

Hoạt động tài chính, tuy nguồn thu từ lãi tiền gửi tiết kiệm giảm so với năm trước nhưng Công ty cũng được hưởng lợi khoảng 8,6 tỷ đồng từ chênh lệch tỷ giá trong năm 2024 do đánh giá lại nguồn tiền ngoại tệ dự trữ của Công ty phục vụ cho việc đầu tư tàu biển.

### 3. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty.

Trong bối cảnh các yếu tố thuận lợi và khó khăn đan xen như trình bày ở trên, bằng tất cả những nỗ lực, cố gắng của tập thể HĐQT, Ban Giám Đốc và tập thể người lao động, Công ty đã đạt được những kết quả chính về SXKD năm 2024 tóm tắt như trong bảng sau:

Nội dung	Thực hiện 2023	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024	TH 2024 /TH2023 (%)	TH 2024 /KH2024 (%)
1. Tổng sản lượng toàn Công ty (tấn)	1.813.015	1.192.800	1.497.900	82,62	125,58
2. Tổng doanh thu và thu khác (tr đồng)	674.028	628.546	730.631	108,40	116,24
3. Lợi nhuận trước thuế (tr đồng)	45.125	57.971	82.215	182,19	141,82
4. Ebitda	141.838	125.685	149.854	105,65	119,23

### 4. Đầu tư và thanh lý tàu biển:

Thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2024, Công ty đã thực hiện việc bán thanh lý 02 tàu hàng khô qua sử dụng theo lộ trình đã phê duyệt trước thời hạn lên đà sửa chữa định kỳ, cụ thể:

- Vinaship Star, trọng tải 23.949 DWT, năm đóng 1996 được bán thanh lý cho người mua nước ngoài vào tháng 6/2024 với giá bán là: 2.650.000 USD, tương đương 67.177.500.000 đồng.

- Vinaship Diamond, trọng tải 24.034 DWT, năm đóng 1996 được bán cho người mua trong nước vào tháng 11/2024 với giá bán là: 62.000.000.000 đồng, chưa bao gồm thuế GTGT.

Bên cạnh việc thanh lý tàu cũ theo kế hoạch, căn cứ nghị quyết tại ĐHĐCĐ bất thường ngày 24/9/2024, sau thời gian tìm kiếm và đàm phán, Công ty cũng hoàn thành việc đầu tư tàu hàng khô đã qua sử dụng “Amira Nour”, trọng tải 28.189 DWT, đóng năm 2012, quốc tịch Panama với giá mua 11,50 triệu USD (tương đương 293,2 tỷ đồng), nhận bàn giao ngày 02/12/2024 và được đổi tên thành “Vinaship Unity”.

### 5. Hoạt động XDCB



- Dự án xây dựng trụ sở làm việc của Công ty tại số 14 Võ Nguyên Giáp, Quận Lê Chân, Hải Phòng đã hoàn thành xây dựng ngày 01/02/2024. Nghiệm thu, đưa vào sử dụng từ tháng 06/2024 và bắt đầu khai thác thương mại (cho thuê) từ quý 3/2024.

- Tổng mức đầu tư được phê duyệt của dự án là 96,51 tỷ đồng, hiện Công ty đã hoàn tất báo cáo kiểm toán dự án với giá trị quyết toán sau kiểm toán là 94,2 tỷ đồng.

#### **6. Quản trị doanh nghiệp, chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo**

Công ty đã rà soát, sửa đổi, bổ sung một số quy chế quản trị doanh nghiệp và các quy định liên quan. Kiện toàn các hội đồng, ban chỉ đạo về xây dựng tổ chức theo hướng lấy khách hàng làm trung tâm. Điều chỉnh, sửa đổi và bổ sung các quy định về quản lý và chăm sóc khách hàng.

Công ty đã phát động phong trào thi đua đổi mới sáng tạo, nghiên cứu vận dụng các công cụ Kaizen vào công tác quản trị doanh nghiệp và công tác chuyên môn nghiệp vụ để nâng cao năng suất và hiệu quả công việc.

#### **7. Báo cáo tài chính năm 2024 (đã kiểm toán).**

Căn cứ báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY thực hiện kiểm toán và soát xét, xin trình Đại hội “Báo cáo tài chính hợp nhất 2024” với một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu như sau (chi tiết xin tham khảo thêm “Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024” – Phần tóm tắt gửi kèm tài liệu đại hội) :

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Giá trị
1.	Tổng tài sản	Đồng	808.856.859.263
2.	Vốn điều lệ	Đồng	339.999.600.000
3.	Vốn chủ sở hữu	Đồng	577.162.344.688
4.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Đồng	620.600.948.687
5.	Lợi nhuận kế toán trước thuế	Đồng	82.214.677.627
6.	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	65.721.232.745
7.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng	1.933

## **PHẦN II**

### **KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025**

#### **1. Dự báo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:**

Đội tàu hàng khô trong năm 2025 dự kiến gồm 05 chiếc với tổng tấn trọng tải là 100.106 DWT, độ tuổi bình quân là 21,5 tuổi, trong đó có 02 tàu nhóm 22.000 – 27.000 DWT là 28 tuổi, 1 tàu nhóm 12.000 – 14.000 DWT là 17 tuổi, 1 tàu nhóm 6.500 – 10.000 DWT là 22 tuổi và 01 tàu trọng tải 28.189 DWT mới đầu tư trong cuối quý 4 năm 2024, trẻ nhất là 13 tuổi. Thời gian vận doanh trong năm 2025 của 5 tàu hiện có là 12 tháng. Kế hoạch đội tàu sẽ bổ sung thêm 01 tàu hàng khô trọng tải khoảng 30.000-35.000 DWT dự kiến đưa vào khai thác trong 6 tháng cuối năm 2025,

còn 01 tàu tiếp theo do dự kiến hoàn thành trong khoảng cuối năm 2025 và đầu năm 2026 nên tạm thời chưa ghi nhận các chỉ tiêu khai thác của tàu này trong năm 2025. Tương tự, với tàu Vinaship Pearl dự kiến bán thanh lý trước 31/12/2025 nên kết quả khai thác tàu này dự kiến vẫn ghi nhận đủ 12 tháng.

Trong năm 2025, Công ty có 2 tàu handysize đến hạn lên đà sửa chữa định kỳ là tàu Vinaship Unity (28.189 DWT) tiếp tục thời gian lên đà của tàu tháng 12/2024 thêm 14 ngày trong tháng 01/2025 và tàu Vinaship Sea (27.841 DWT) tháng 11/2025. Thời gian lên đà sửa chữa định kỳ của tàu Vinaship Sea dự kiến khoảng 20-30 ngày/kỳ lên đà.

Trong phương án kinh doanh năm 2025, Công ty lựa chọn kịch bản thị trường vận tải biển nhóm tàu hàng khô, cụ thể: chỉ số tàu hàng khô BDI:  $1.600 \div 2.000$  điểm, chỉ số giá cước cỡ tàu handysize (BHSDI):  $600 \div 700$  điểm. Các tàu đều được xây dựng các chỉ tiêu kinh doanh theo khung doanh thu định hạn quy đổi TCE và chi phí khai thác theo mặt bằng chung các doanh nghiệp trong Tổng công ty hàng hải Việt Nam (VIMC).

Đối với hoạt động thuê tàu ngoài, Công ty xác định đây là hoạt động hỗ trợ cho công tác khai thác đội tàu biển hiện nay, bổ sung thêm tấn trọng tải và đáp ứng nhu cầu vận chuyển của khách hàng truyền thống. Nhóm khách hàng mục tiêu vẫn là các đơn vị thương mại hàng hóa như nông sản, xi măng, clinker, than. Bên cạnh việc tận dụng thị trường và khách hàng thuê tàu hiện nay, tiếp tục triển khai hoạt động tiếp thị, mở rộng quan hệ với các chủ tàu trong nước và quốc tế để có thêm các cơ hội hợp tác trong tương lai. Đồng thời, nghiên cứu và thử nghiệm phương án kết hợp, hợp tác với đối tác trong nước và nước ngoài thực hiện kinh doanh thương mại, mua bán hàng hoá.

Về định hướng cho hoạt động bốc xếp, kho bãi, giao nhận trong năm 2025: Tiếp tục giữ và ổn định các khách hàng hiện có. Tìm kiếm thêm các hoạt động dịch vụ mà đưa được con người cùng phương tiện máy móc để làm tại các cảng, tăng năng suất và hiệu quả thu về. Nghiên cứu và tiếp cận khách hàng là Cảng nước sâu khu vực Lạch Huyện, Cát Hải. Tìm cơ hội để từng bước đưa mảng dịch vụ hải quan, xuất nhập khẩu tăng dần lên. Tìm kiếm khách hàng cho mảng dịch vụ vận chuyển đường biển nội địa.

Đối với mảng cho thuê văn phòng, kho bãi: tiếp tục các hoạt động marketing và chào hàng sản phẩm văn phòng cho thuê đến các đơn vị môi giới, đối tác trong nước có nhu cầu.

## **2. Đầu tư, thanh lý tài sản**

Căn cứ các nguồn lực hiện có, Công ty xây dựng kế hoạch đầu tư 02 tàu hàng khô đã qua sử dụng, trọng tải từ 28.000 - 35.000 DWT, năm đóng: 2008 - 2014, tổng mức đầu tư dự kiến khoảng trên dưới 13 triệu USD/tàu. Trong đó, 01 tàu thời gian dự kiến thực hiện từ quý III năm 2025; 01 tàu thực hiện đầu tư từ quý IV/2025 đến kỳ đại hội cổ đông năm 2026, nếu điều kiện thuận lợi.

Bên cạnh dự án đầu tư 02 tàu qua sử dụng như trên, Công ty cũng có kế hoạch bán thanh lý tàu Vinaship Pearl, (loại tàu hàng khô, trọng tải 24.241 DWT, đóng năm



1996) chậm nhất trước ngày 31/12/2025 với giá trị thanh lý ước khoảng 60 tỷ đồng, do tàu này dự kiến đến hạn lên đà sửa chữa định kỳ trong tháng 1/2026.

### **3. Hoạt động bốc xếp, kho bãi, giao nhận và thuê tàu ngoài**

Hoạt động này cung cấp các dịch vụ về bốc xếp, xếp dỡ, giao nhận hàng hóa tại các cảng container và một số kho CFS ngoại quan của khu vực Hải Phòng. Đến thời điểm hiện tại đang cung cấp dịch vụ cho 08 cảng container và 02 kho ngoại quan CFS.

Đối với hoạt động thuê tàu ngoài, Công ty xác định đây là hoạt động hỗ trợ cho công tác khai thác đội tàu biển hiện nay, bổ sung thêm tấn trọng tải và đáp ứng nhu cầu vận chuyển của khách hàng. Nhóm khách hàng mục tiêu vẫn là các đơn vị thương mại hàng hóa như nông sản, xi măng, clinker, than. Bên cạnh việc tận dụng thị trường và khách hàng thuê tàu hiện nay, tiếp tục triển khai hoạt động tiếp thị, mở rộng quan hệ với các chủ tàu trong nước và quốc tế để có thêm các cơ hội hợp tác trong tương lai. Doanh thu thuê tàu ngoài năm 2024 đạt 107 tỷ đồng, lợi nhuận thu về: 4,2 tỷ đồng.

### **4. Hoạt động cho thuê văn phòng, kho bãi**

Công ty sẽ đẩy mạnh hoạt động cho thuê văn phòng tại Tòa nhà Vinaship - số 14 Đường Võ Nguyên Giáp, Quận Lê Chân, Hải Phòng đến các đơn vị môi giới, đối tác trong nước có nhu cầu. Phần đầu đạt tỷ lệ lấp đầy các sàn cho thuê còn lại từ 60-70% cho đến cuối năm 2025.

### **5. Kế hoạch SXKD và đầu tư năm 2025**

#### **5.1. Chỉ tiêu kế hoạch SXKD**

Dựa trên dự báo tình hình thị trường như trên, căn cứ năng lực của đội tàu và các nguồn lực của Công ty, Ban lãnh đạo Công ty đã xây dựng kế hoạch SXKD năm 2025 với các chỉ tiêu cụ thể như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH năm 2024	KH năm 2025	So Sánh (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(6)	(6/4)
1.	Sản lượng	Tấn	1.497.900	1.700.000	113,49
2.	Doanh thu	Tr.đồng	730.631	745.000	101,97
3.	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	82.215	117.500	142,92
4.	Ebitda	Tr.đồng	149.854	184.988	123,45

#### **5.2. Một số giải pháp thực hiện**

Trong bối cảnh tình hình thị trường vận tải còn nhiều biến động khó lường, dựa trên các nguồn lực hiện có của doanh nghiệp, Công ty sẽ triển khai và vận dụng sáng tạo các giải pháp kinh tế, kỹ thuật và quản trị phù hợp với mục tiêu thực hiện các nhiệm vụ SXKD trong năm 2025 đã đề ra một cách tốt nhất có thể, cụ thể tập trung vào các nội dung sau:

a) Đảm bảo an toàn và duy trì tình trạng tàu

Trước thực trạng đội tàu biển của Công ty có độ tuổi trung bình cao, tình trạng kỹ thuật trang bị máy móc lạc hậu, quy mô tấn trọng tải và số lượng tàu ngày càng thu hẹp nên công tác đảm bảo an toàn cho đội tàu cần đặc biệt ưu tiên hàng đầu, Bộ phận kỹ thuật đưa ra các quy trình vận hành an toàn, hướng dẫn thuyền viên tàu tuân thủ nghiêm túc, thuyền viên tích cực tham gia công tác bảo quản bảo dưỡng, nâng cao tinh thần trách nhiệm và ý thức cảnh giác cao trước mọi rủi ro trong hoạt động khai thác tàu, do các tổn thất liên quan đến mất an toàn, tai nạn sự cố thông thường để lại hậu quả lớn nhất.

#### b) Thị trường, khách hàng và phương thức kinh doanh

Tiếp tục duy trì thị phần với nhóm khách hàng truyền thống, phát triển thêm khách hàng và tuyên khai thác mới xa hơn đối với nhóm tàu mới đầu tư, ưu tiên các thị trường ngách ít bị cạnh tranh với nhóm tàu cũ hiện có. Triển khai tốt công tác quan hệ, chăm sóc khách hàng theo tôn chỉ lấy khách hàng làm trung tâm, điều chỉnh các chính sách khách hàng phù hợp với từng nhóm, đối tượng khách hàng. Có cơ chế ưu đãi riêng về giá, điều kiện hợp đồng, mức độ ưu tiên bố trí phương tiện với khách hàng thân thiết, bạn hàng truyền thống sử dụng dịch vụ của Công ty với sản lượng vận chuyển hàng năm lớn.

Tiếp tục duy trì vận chuyển một số nhóm hàng như xi măng, clinker, than, nông sản, phân bón, kết hợp linh hoạt các hình thức cho thuê (chuyên, COA, định hạn dài, định hạn chuyển...), kết hợp tàu Công ty và tàu thuê ngoài khi thực hiện các hợp đồng vận chuyển, tăng quy mô và nâng cao chất lượng hoạt động thuê tàu ngoài. Xem xét các phương án kinh doanh khác như thuê tàu trần, thuê định hạn tàu biển thời gian dài để tăng năng lực đội tàu và giảm gánh nặng về vốn đầu tư. Nghiên cứu mô hình hợp tác liên kết với các đơn vị kinh doanh thương mại ở mức độ cao hơn như cùng góp vốn trong các thương vụ mua bán CIF, tham gia đấu thầu các hợp đồng vận chuyển quy mô lớn dài hạn.

Tích cực thu hút khách hàng trong mảng kinh doanh cho thuê toà nhà văn phòng, linh hoạt các hình thức, diện tích cho thuê đảm bảo sớm lấp đầy diện tích sàn chưa khai thác, đồng thời với việc hoàn thiện dịch vụ quản lý toà nhà chuyên nghiệp.

Tiếp tục duy trì các hợp đồng bốc xếp và dịch vụ với các cảng đối tác khu vực Hải Phòng, nâng dần tỷ trọng các tác nghiệp hàng hóa có biên lợi nhuận cao. Từng bước đa dạng hóa hoạt động dịch vụ tại Công ty TNHH Dịch vụ hàng Hải Vinaship (Vimaser), nâng cao hiệu quả SXKD.

#### c) Điều hành khai thác và quản lý chi phí

Tăng cường công tác kiểm tra tình trạng kỹ thuật tàu, rà soát tổng thể và tập trung việc nâng cao hiệu quả khai thác máy móc, trang thiết bị. Kịp thời can thiệp và có giải pháp về quản lý và kỹ thuật khi phát hiện tốc độ giảm bất thường. Tiếp tục kiểm soát chặt chẽ chi phí sửa chữa thường xuyên, và các hạng mục sửa chữa đầu bến.

Khảo sát kỹ tình trạng cầu bến, mật độ tàu ghé cảng và liên tục cập nhật diễn biến trước khi tàu đến để chủ động việc thu xếp cầu bến, tránh chờ đợi.

1996  
CÔNG TY  
HẢI SẢN  
HẢI BIỂN  
SHIP  
HẢI PHÒNG



Khởi thuyền viên nâng cao tính chuyên nghiệp, đạo đức tránh xảy ra thiếu hụt hàng hóa để ảnh hưởng đến uy tín của Công ty.

Tiếp tục rà soát chặt chẽ các khoản phí của công ty đặc biệt là vật tư, nhiên liệu, sửa chữa, cảng phí để tiết giảm chi phí theo kế hoạch đã xây dựng, nâng cao hiệu quả SXKD.

d) Hoạt động tài chính và đầu tư:

- Quản lý chi phí có hiệu quả được thực hiện trên tất cả các hoạt động SXKD của công ty.

- Cân đối dòng tiền để đảm bảo khả năng thanh toán đối với các tổ chức tín dụng, các nhà cung cấp, người lao động, nộp thuế....

- Đối với dự án đầu tư mua tàu: tính toán hiệu quả đầu tư, tính toán cân đối nguồn tài trợ vốn đầu tư phù hợp, khả thi với tình hình tài chính, khả năng trả nợ của công ty. Khi huy động nguồn vốn tài trợ từ các ngân hàng: Đàm phán với Ngân hàng thương mại các điều khoản trả nợ, lãi suất có lợi nhất. Tăng cường quản lý và sử dụng hiệu quả sử dụng vốn, đặc biệt là vốn vay.

- Theo dõi diễn biến thị trường mua bán tàu qua sử dụng để hoàn thiện phương án lựa chọn tàu và thời điểm đầu tư tàu mới trong năm 2025, phần đầu hoàn thành dự án theo đúng lịch trình đã xây dựng

e) Quản trị nhân sự

- Đối với nguồn lực khối phòng ban, chi nhánh:

+ Rà soát bộ máy tổ chức, rà soát nhân sự trong từng bộ phận: Rà soát về độ tuổi và lộ trình nghỉ hưu, nhóm lao động có thể kiêm nhiệm thêm công việc, nhóm lao động có thể luân chuyển công việc, thay thế các vị trí sắp nghỉ, từ đó lên kế hoạch tinh giảm và luân chuyển, sắp xếp lại công việc cho phù hợp.

+ Tiếp tục công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ về kiến thức chuyên môn, các kỹ năng mềm thông qua các khóa đào tạo của Tổng công ty; cử đi học thêm tại các trung tâm đào tạo chuyên ngành.

- Đối với nguồn lực khối Sỹ quan thuyền viên:

+ Chủ động cơ cấu lại đội ngũ sỹ quan, thuyền viên: Bằng việc ưu tiên sử dụng những thuyền viên có năng lực, mẫn cán, có nhiều đóng góp cho công ty, có ý thức tổ chức kỷ luật cao; không tái ký hợp đồng với những thuyền viên có chuyên môn và đạo đức kém.

+ Chủ động tuyển dụng và đào tạo kịp thời những chức danh còn thiếu do chấm dứt HĐLĐ trong năm, đặc biệt ưu tiên tuyển dụng lao động có trình độ từ trung cấp, cao đẳng trở nên để tạo nguồn đào tạo lực lượng sỹ quan.

+ Huấn luyện, đào tạo: Căn cứ thực trạng nguồn nhân lực đi biển, căn cứ đội tàu của công ty, căn cứ chất lượng SQTV hiện có, chủ trương tiếp tục xây dựng cơ chế để phát triển nguồn lực như tài trợ học phí để đào tạo, học nghề, nâng cao trình độ tay nghề cho thuyền viên.

+ Nghiên cứu cơ chế chính sách, đặc biệt về cơ chế trả lương cho thuyền viên, nếu cần thiết sẽ điều chỉnh phù hợp với thị trường để giữ chân người lao động.

f) Công tác an toàn pháp chế hàng hải

- Duy trì tốt công tác kiểm tra đôn đốc các tàu, tích cực đổi mới công tác huấn luyện đào tạo sĩ quan, thuyền viên. Cập nhật và triển khai thực hiện kịp thời các quy định mới liên quan đến an toàn, an ninh và MLC cho các tàu, cung cấp đầy đủ ấn phẩm hàng hải cần thiết cho tàu, phân đầu không để tàu nào bị PSC lưu giữ.

- Thường xuyên đôn đốc các tàu đảm bảo an ninh hàng hải cũng như khi neo đậu, tránh mất cắp; không lơ là mất cảnh giác kể cả khi tàu không đi qua các khu vực có nguy cơ cao về cướp biển.

- Phối hợp các đơn vị bảo hiểm để giải quyết các sự vụ còn tồn đọng.

g) Quản trị doanh nghiệp và đổi mới sáng tạo

- Hoàn thiện các quy trình, quy chế, từng bước ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số vào công tác quản lý doanh nghiệp. Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động đổi mới sáng tạo qua việc khuyến khích thêm nhiều đề xuất Kaizen trong toàn Công ty.

- Triển khai các phương án cụ thể về tuân thủ quy định về chỉ số hiệu quả năng lượng đối với tàu hiện có (EEXI) và các biện pháp hạn chế công suất để đảm bảo phát thải theo đúng quy định và kế hoạch quản lý năng lượng tàu (SEEMP III) tuân thủ chỉ thị cường độ các bon (CII) theo sửa đổi bổ xung phụ lục 6 Marpol với mục tiêu thích ứng và giảm chuẩn bị thiếu những hệ lụy về kinh tế khi đội tàu già cũ phải tuân thủ các quy định..

Trên đây là báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024, kế hoạch SXKD năm 2025 của Ban điều hành xin trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần vận tải biển Vinaship xem xét và thông qua.

**Nơi nhận**

-Nhu trên;

-HDQT, BKS Công ty;

-Lưu HCTH, Tổ TK HDQT.

T/M BAN ĐIỀU HÀNH  
UV HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC



**Dương Ngọc Tú**





**BÁO CÁO CỦA KIỂM SOÁT VIÊN  
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2025**

**Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025**  
**Công ty CP vận tải biển Vinaship**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP vận tải biển Vinaship được sửa đổi theo Nghị quyết số 12/2024/NQ-ĐHĐCĐBT của Đại hội đồng cổ đông ngày 24/09/2024;
- Căn cứ số liệu tài chính đã được kiểm toán, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty CP vận tải biển Vinaship.

Ban Kiểm soát trên trong báo cáo trước Đại hội các nội dung sau:

**I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT VINASHIP TRONG NĂM 2024**

### 1. Số lượng thành viên Ban Kiểm soát

Tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 tổ chức ngày 23/6/2023, Ban Kiểm soát được bầu gồm 03 thành viên làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, gồm:

Bà Lã Thi Liên Hương – Trưởng ban

Bà Nguyễn Hà Thanh – Thành viên

Ông Phan Văn Hưng – Thành viên

## 2. Kết quả thực hiện nhiệm vụ của Ban Kiểm soát

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ, Ban Kiểm soát đã thực hiện kiểm tra, giám sát công tác quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành Vinaship trong việc tuân thủ và thực hiện các quy định của pháp luật; Nghị quyết của ĐHĐCĐ; Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty; các quy chế, quy định nội bộ của Công ty; hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính. Trong các cuộc họp của HĐQT, Ban Kiểm soát đã tham gia đầy đủ.

Các nội dung báo cáo về hoạt động sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính; các văn bản chỉ đạo của HĐQT, BHD, Ban Kiểm soát thực hiện phân





tích, xem xét đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật, Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị.

Năm 2024, Ban Kiểm soát đã tổ chức 03 cuộc họp để thông qua một số nội dung như: thông qua báo cáo Ban Kiểm soát tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2024; kiểm tra giám sát về công tác quản lý điều hành của HĐQT, BĐH quý 2/2024 và 6 tháng 2024; thẩm định Báo cáo KQKD, BCTC 6 tháng đầu năm 2024. Các thành viên Ban Kiểm soát làm việc với tinh thần trách nhiệm, theo nguyên tắc độc lập và cân trọng, vì lợi ích cổ đông và Công ty.

Thông qua các hoạt động, Ban Kiểm soát đã có những đánh giá về kết quả hoạt động, các góp ý, kiến nghị của BKS được thực hiện tại các cuộc họp của HĐQT. Giám sát việc thực hiện các kiến nghị của Đoàn Thanh tra, kiểm tra; đồng thời góp ý kiến đối với HĐQT, BĐH Vinaship trong công tác quản lý, điều hành. Các ý kiến, kiến nghị của Ban Kiểm soát được HĐQT, Ban Điều hành giải trình, ghi nhận và điều chỉnh.

Ban Kiểm soát Vinaship đã bám sát Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2024; kế hoạch hoạt động và tình hình thực tế, thực hiện đúng trách nhiệm và quyền hạn theo quy định. Ban Kiểm soát duy trì tốt công tác phối hợp với Hội đồng quản trị, Ban Điều hành. Quá trình thực hiện chức năng nhiệm vụ Ban Kiểm soát được HĐQT, Ban Điều hành tạo điều kiện thuận lợi, cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu.

### **3. Đánh giá kết quả của các thành viên Ban Kiểm soát**

- Các thành viên Ban Kiểm soát hoạt động tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.

- Các thành viên Ban Kiểm soát làm việc theo nguyên tắc độc lập. Trong quá trình làm việc thì thường xuyên trao đổi, hỗ trợ để thực hiện công việc và hoàn thành với hiệu quả cao nhất.

## **B. CÁC NỘI DUNG BAN KIỂM SOÁT ĐÃ THỰC HIỆN KIỂM TRA, GIÁM SÁT TRONG NĂM 2024**

### **I. Kết quả giám sát hoạt động Hội đồng quản trị.**

- Trong năm 2024, HĐQT đã ban hành các Nghị quyết, Quyết định kịp thời để định hướng Công ty phát triển đúng hướng mà ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 đã giao. Các Nghị quyết của HĐQT ban hành phù hợp các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, bám sát Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2024.

- Năm 2024, HĐQT đã tổ chức 10 cuộc họp và xin ý kiến các TV HĐQT trực tiếp hoặc bằng email và đã ban hành 35 Nghị quyết, Quyết định để kịp thời

chỉ đạo, định hướng hoạt động SXKD của Công ty theo đúng chức năng, thẩm quyền của HĐQT. HĐQT đã tích cực và kiểm soát tốt các dự án đầu tư. Tích cực yêu cầu, chỉ đạo Ban điều hành đôn đốc rà soát, kiểm tra tình trạng kỹ thuật tàu, kiểm tra, giám sát sự tuân thủ của tàu theo Hệ thống quản lý an toàn. Tích cực chủ động đề xuất và yêu cầu BDH triển khai các giải pháp nhằm cải thiện chất lượng dịch vụ phân loại và chăm sóc khách hàng.

- HĐQT đã hoạt động theo đúng quyền hạn và nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ Công ty, các quy phạm nội bộ của Công ty và pháp luật hiện hành. Các Nghị quyết, Quyết định trong quản trị điều hành của HĐQT ban hành phù hợp với điều kiện thực tế, đáp ứng yêu cầu quản trị và nhu cầu phát triển của Công ty theo đúng mục tiêu mà ĐHĐCĐ đã đề ra, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các cổ đông được thực hiện đúng và đầy đủ. HĐQT đã hoàn thành tốt nhiệm vụ quản trị Công ty.

## **II. Kết quả giám sát hoạt động Ban Điều hành**

- Năm 2024, dưới sự nỗ lực, chỉ đạo sát sao của HĐQT; BDH đã kịp thời đề ra và triển khai thực hiện các giải pháp thúc đẩy SXKD trên tinh thần chủ động sáng tạo, khắc phục khó khăn cũng như nâng cao đời sống tinh thần và vật chất cho CBCNV, sỹ quan, thuyền viên; phấn đấu thực hiện tốt mục tiêu, kế hoạch năm 2024 mà ĐHĐCĐ giao và các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT đã ban hành.

- BDH đã luôn trăn trở và rất tích cực tìm kiếm những giải pháp nhằm đem lại hiệu quả SXKD cao nhất, quản lý chi phí hiệu quả nhất. Tích cực chủ động đề xuất và triển khai thực hiện tìm kiếm các cơ hội tăng cường hoạt động thuê tàu ngoài và phát triển COA. Luôn tích cực chủ động và sát sao đối với các chính sách chăm sóc khách hàng. Rất tích cực, sâu sát đối với các hoạt động của tàu, thường xuyên tổ chức các cuộc đi kiểm tra, khảo sát thực tế trên tàu. Luôn bám sát các chỉ tiêu đề ra để hoàn thành đúng và trước thời hạn.

- Qua công tác giám sát, nhận thấy hoạt động quản trị, điều hành của BDH đã tuân thủ Điều lệ Công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ, các Nghị quyết, quyết định của HĐQT và các quy phạm nội bộ của Công ty. BDH đã đề ra những giải pháp đúng đắn và hiệu quả giúp hoạt động SXKD của Công ty ổn định và phát triển.

## **III. Kết quả đánh giá hoạt động SXKD năm 2024 và thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2024.**

### **1. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024.**



Ban Kiểm soát thống nhất với nội dung báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành về tình hình sản xuất kinh doanh năm 2024.

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2024			Thực hiện 2023	So sánh cùng kỳ 2024/2023
			Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ		
1	Sản lượng vận chuyển	Tấn	1,192,800	1,497,800	125.57	1,813,015	82.61
2	Tổng doanh thu và thu nhập khác	Tr. Đồng	628,545	730,631	116.24	673,976	108.41
-	Doanh thu vận tải biển	"	465,593	442,525	95.05	504,443	87.73
-	Doanh thu dịch vụ	"	81,843	178,076	217.58	89,401	199.19
-	Doanh thu tài chính	"	1,850	15,573	841.78	21,349	72.94
-	Thu nhập khác	"	79,259	94,457	119.18	58,783	160.69
3	Chi phí	Tr. Đồng	570,574	648,416	113.64	628,919	103.10
-	Chi phí vận tải biển	"	490,596	473,954	96.61	532,296	89.04
-	Chi phí dịch vụ	"	75,882	169,625	223.54	84,743	200.16
-	Chi phí tài chính	"	3,917	4,181	106.74	8,839	47.30
-	- Chi phí lãi vay	"	3,917	782	19.96	2,862	27.32
-	Chi phí khác	"	179	656	366.48	3,041	21.57
4	Lợi nhuận	Tr. Đồng	57,971	82,215	141.82	45,057	182.47
-	Lợi nhuận vận tải biển	"	(25,003)	(31,429)	125.70	(27,853)	112.84
-	Lợi nhuận dịch vụ	"	5,961	8,451	141.77	4,658	181.43
-	Lợi nhuận tài chính	"	(2,067)	11,392	(551.14)	12,510	91.06
-	Lợi nhuận khác	"	79,080	93,801	118.62	55,742	168.28

Năm 2024, sản lượng vận chuyển tăng 25,57% kế hoạch và bằng 82,61% so với cùng kỳ năm 2023 do Công ty thực hiện thanh lý 02 tàu (năm 2023 Công ty thực hiện thanh lý 01 tàu).

Doanh thu hoạt động kinh doanh chính – hoạt động vận tải biển của Công ty chưa đạt kế hoạch, theo đó, doanh thu bằng 95,05% kế hoạch và bằng 87,73% so với năm 2023.

Doanh thu hoạt động dịch vụ bằng 217,58% kế hoạch và tăng 99,19% so với năm 2023, góp phần vào tăng trưởng doanh thu hoạt động dịch vụ đến từ doanh thu hoạt động thuê tàu ngoài, theo đó, doanh thu từ hoạt động này đạt: 105.593 triệu đồng bằng 59,3% tổng doanh thu dịch vụ, lợi nhuận: 2.616 triệu đồng.

Lợi nhuận trước thuế đạt 82.215 triệu đồng bằng 141,82% kế hoạch và tăng 82,47% so với năm 2023. Tuy nhiên, lợi nhuận từ hoạt động vận tải biển lỗ hơn so với kế hoạch là 25,7% và tăng lỗ 12,84% so với năm 2023, trong đó, tàu Vinaship Sea lỗ: 16.120 triệu đồng.

- Đối với hoạt động tại Công ty con – Công ty TNHH dịch vụ hàng hải Vinaship (Vimaser), theo đó, năm 2024 Vimaser được giao chỉ tiêu: doanh thu và lợi nhuận trước thuế lần lượt là: 44.000 triệu đồng và 755 triệu đồng. Với số liệu thực hiện năm 2024 doanh thu: 51.526 triệu đồng bằng 117,10% kế hoạch, lợi nhuận trước thuế: 460 triệu đồng bằng 60,93% do tại thời điểm 31/12/2024 Vimaser thực hiện trích chi phí đền bù tổn thất hàng hóa do làm rơi kiện hàng phải trả Công ty CP Cảng Xanh VIP số tiền: 350 triệu đồng.

**2. Kết quả giám sát thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2024**

**2.1. Công tác đầu tư năm 2024**

Kế hoạch đầu tư theo Nghị quyết số 07/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/4/2025 đã được thực hiện, cụ thể:

Dự án	Kế hoạch	Thực hiện
01 tàu trọng tải 28.000-32.000 DWT Giá trị:  Thời gian thực hiện:	12 triệu usd tương đương 303.000 triệu đồng Năm 2024	Vinaship Unity, trọng tải: 28.189 DWT 293.237 triệu đồng  Ngày 02/12/2024

**2.2. Thoái vốn 33.686 cổ phiếu VST**

Năm 2024, Công ty đã thực hiện công tác thoái vốn với số lượng cổ phiếu VST đã bán 33.600, thu về 99,2 triệu đồng.

**2.3. Về chi trả thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát.**

Toàn bộ HĐQT, BKS là các thành viên không chuyên trách, căn cứ Nghị quyết tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2024, Công ty đã thực hiện chi trả đúng mức thù lao cho HĐQT, BKS, cụ thể:

Tổng số tiền thù lao 356 triệu đồng	HĐQT – 5 thành viên 236 triệu đồng	BKS – 3 thành viên 120 triệu đồng
--	---------------------------------------	--------------------------------------

**2.4. Phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu (nguồn quỹ đầu tư phát triển).**

Hoàn thành công tác tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu (nguồn quỹ đầu tư phát triển). Vốn điều lệ đã được Sở Kế hoạch và đầu tư TP Hải Phòng ghi nhận trong ĐKKD cấp ngày 30/07/2024.



## **2.5. Các nội dung khác**

- Lựa chọn Công ty kiểm toán năm 2024 cho Công ty: BCTC soát xét và kiểm toán năm 2024 đã được Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn UHY thực hiện, đảm bảo tiêu chuẩn lựa chọn và thuộc 1 trong danh sách các công ty kiểm toán độc lập đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 thông qua.

- Việc trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng Người quản lý đúng theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2024 thông qua.

- Việc chuyển trụ sở làm việc về địa chỉ số 14 Võ Nguyên Giáp, P. Kênh Dương, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng và thủ tục sửa đổi Giấy đăng ký kinh doanh theo địa chỉ mới đã hoàn thành, cụ thể:

Tháng 5/2024, Công ty đã hoàn thiện việc xây dựng và đưa vào sử dụng trụ sở làm việc mới tại số 14 Võ Nguyên Giáp. Theo Báo cáo kiểm toán số 309/2025/XDCB-PB.00585 ngày 22/01/2025 của Công ty TNHH Kiểm toán AFC VN, tổng giá trị quyết toán là 94.199.008.371VNĐ, giảm 2.311.428.991VNĐ so với Tổng mức đầu tư được phê duyệt tại QĐ số 169/QĐ/HĐQT ngày 26/06/2023.

Đánh giá chung: HĐQT, Ban Điều hành luôn sát sao, nghiêm túc thực hiện toàn bộ các nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 thông qua với mong muốn đem lại hiệu quả cao nhất.

## **3. Thẩm tra Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Vinaship gồm BCTC riêng và BCTC hợp nhất được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY, là đơn vị thuộc danh sách các Công ty kiểm toán được ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 thông qua và ủy quyền cho HĐQT lựa chọn. Tại Báo cáo kiểm toán độc lập số 110& 111/2025/UHY-BCKT, ý kiến của Kiểm toán viên:

*“Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty CP vận tải biển Vinaship tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính”*

### **- Ý kiến của Kiểm soát viên:**

Vinaship đã lập, trình bày các biểu mẫu trong Báo cáo tài chính phù hợp Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp luật có liên quan. Căn cứ thông tin trình bày trong Báo cáo tài chính năm

2024, Vinaship áp dụng chính sách kế toán phù hợp và không phải điều chỉnh hồi tố số liệu của các năm trước.

Kiểm toán UHY chấp nhận toàn phần đối với các Báo cáo tài chính của Vinaship.

Số liệu tại BCTC kết thúc tại ngày 31/12/2024 như sau:

- Tài sản ngắn hạn tại BCTC hợp nhất tiếp tục vượt nợ phải trả ngắn hạn.
- Hệ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu: 0,29 lần. Vốn chủ sở hữu tại BCTC hợp nhất là 577.162 triệu đồng tăng 11,71% so với cùng kỳ năm 2023 tương ứng 60.499 triệu đồng.

- Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh của Công ty tiếp tục dương, tăng 27.130 triệu đồng so với năm 2023

Ban Kiểm soát thông qua BCTC năm 2024 đã kiểm toán.

#### 4. Đánh giá các chỉ tiêu tài chính.

Căn cứ số liệu tại BCTC năm 2024 đã kiểm toán, Ban Kiểm soát tổng hợp

##### a) Tình hình tài sản, nguồn vốn tại 31/12/2024.

Khoản mục	31/12/2024	31/12/2023	So sánh 2024/2023
<b>A - TÀI SẢN</b>	<b>808.856.859.263</b>	<b>617.951.181.166</b>	<b>130,89</b>
<b>I. Tài sản ngắn hạn</b>	<b>360.796.526.906</b>	<b>385.975.274.040</b>	<b>93,48</b>
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	19.062.057.194	47.602.208.386	40,04
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>	11.074.002.063	31.159.016.260	35,54
<b>II- Tài sản dài hạn</b>	<b>448.060.332.357</b>	<b>231.975.907.126</b>	<b>193,15</b>
2. Tài sản cố định	416.472.851.428	141.314.569.972	294,71
<i>a. Tài sản cố định hữu hình</i>	<i>416.472.851.428</i>	<i>141.263.231.062</i>	294,82
4. Tài sản dở dang dài hạn	1.224.343.997	49.739.044.253	2,46
<b>B. NGUỒN VỐN</b>	<b>808.856.859.263</b>	<b>617.951.181.166</b>	<b>130,89</b>
<b>I- NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>231.694.514.575</b>	<b>101.288.491.088</b>	<b>228,75</b>
1. Nợ ngắn hạn	105.057.390.517	101.082.986.473	103,93
<i>b. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</i>	20.905.357.144	-	
2. Nợ dài hạn	126.637.124.058	205.504.615	61622,52
<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</i>	<i>125.432.142.856</i>		
<b>II - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>577.162.344.688</b>	<b>516.662.690.078</b>	<b>111,71</b>
I. Vốn chủ sở hữu	577.162.344.688	516.662.690.078	111,71
<i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>	<i>339.999.600.000</i>	<i>200.000.000.000</i>	170
2. Nguồn kinh phí và quỹ khác	170.411.314.026	146.220.778.825	116,54



- Tại 31/12/2024, tổng tài sản tăng 30,89% tương ứng 190.906 triệu đồng so với cùng kỳ năm 2023, cụ thể:

+ Tài sản ngắn hạn tuy giảm 6,52% tương ứng 25.179 triệu đồng nhưng vẫn lớn hơn Nợ phải trả ngắn hạn 255.739 triệu đồng, cho thấy nguồn vốn lưu động của Công ty tiếp tục ổn định, đảm bảo khả năng thanh toán cho hoạt động sản xuất kinh doanh thường xuyên. Trong đó, phải thu ngắn hạn của khách hàng giảm 20.085 triệu đồng cho thấy Công ty đã thực hiện tốt công tác thu hồi công nợ.

+ Tài sản dài hạn tăng 216.084 triệu đồng trong đó TSCĐ tăng 194,71% tương ứng 275.158 triệu đồng cho thấy Công ty đang thực hiện cơ cấu lại danh mục tài sản nhằm nâng cao năng lực hoạt động SXKD.

- Tổng nguồn vốn tại 31/12/2024 tăng 190.906 triệu đồng, gồm:

+ Nợ phải trả là 231.6955 triệu đồng tăng 128,74% tương ứng 130.406 triệu đồng so với cùng kỳ năm trước do năm 2024 Công ty sử dụng đòn bẩy tài chính để tài trợ vốn cho hoạt động đầu tư tàu Vinaship Unity với giá trị vay và nợ: 147.337 triệu đồng.

+ Vốn chủ sở hữu tại BCTC hợp nhất tại 31/12/2024 là 577.162 triệu đồng tăng 60.499,6 triệu đồng so với cùng kỳ năm 2023.

Tại ngày 31/12/2024, tài sản dài hạn lớn hơn nợ dài hạn 321.423 triệu đồng (vay và nợ ngắn hạn: 20.905 triệu đồng) cho thấy vốn đầu tư của chủ sở hữu là nguồn lực tài chính quan trọng góp phần đảm bảo cho hoạt động đầu tư.

#### **b) Các chỉ tiêu tài chính**

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2024	Năm 2023
<b>Các chỉ tiêu tài trợ vốn</b>			
1. Vốn chủ sở hữu trên tổng nguồn vốn	%	71.36	83.61
2. Vốn chủ sở hữu trên tài sản dài hạn	%	128.81	222.72
3. Vốn chủ sở hữu trên tài sản cố định	%	138.58	365.61
<b>Các chỉ tiêu thanh khoản</b>			
1. Khả năng thanh toán tức thời	Lần	1.32	2.24
1. Khả năng thanh toán hiện thời	Lần	3.43	3.82
3. Khả năng thanh toán nhanh	Lần	3.05	3.50
4. Khả năng thanh toán tổng quát	Lần	3.49	6.10
5. Khả năng thanh toán lãi vay	Lần	106.16	16.76
6. Tài sản dài hạn/tổng nợ dài hạn và vốn CSH	Lần	0.64	0.45
<b>Các chỉ tiêu hoạt động</b>			
1. Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	4.31	3.29
2. Vòng quay của tài sản	Vòng	0.87	0.88

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2024	Năm 2023
<b>Các chỉ tiêu công nợ</b>			
1. Nợ phải trả trên tổng tài sản	Lần	0.29	0.16
2. Nợ phải trả trên vốn CSH	Lần	0.40	0.20
3. Dư nợ vay trên vốn CSH	Lần	0.25	0.00
4. Tổng tài sản trên vốn CSH	Lần	1.40	1.20
<b>Các chỉ tiêu lợi tức</b>			
1. Lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần (ROS)	%	10.59	6.07
2. Lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản bình quân (ROA)	%	9.21	5.33
3. Lợi nhuận sau thuế trên vốn CSH (tính theo vốn Điều lệ)	%	19.33	18.02
4. Lợi nhuận gộp trên giá vốn hàng bán	%	3.12	2.15

Năm 2024, lợi nhuận sau thuế: 65.721 triệu đồng, cùng với việc sử dụng đòn bẩy tài chính để tài trợ cho hoạt động đầu tư được phản ánh qua một số chỉ tiêu, cụ thể

- Các chỉ tiêu tài trợ vốn



Tại 31/12/2024 các chỉ tiêu tài trợ vốn đều giảm so với cùng kỳ năm 2023, mặc dù tỷ trọng vốn chủ sở hữu trong cơ cấu vốn giảm so với cùng kỳ năm 2023 do Công ty sử dụng đòn bẩy tài chính tuy nhiên tài sản dài hạn, tài sản cố định vẫn được tài trợ bằng vốn chủ sở hữu.

- Các chỉ tiêu hoạt động

Sự gia tăng của vòng quay hàng tồn kho, sự ổn định chỉ số vòng quay của tài sản cho thấy Công ty duy trì và kiểm soát hiệu quả việc sử dụng tài sản và hàng tồn kho.

- Tình hình bảo toàn vốn.

Năm 2024, lợi nhuận sau thuế: 65.721 triệu đồng đã góp phần đưa chỉ tiêu lợi tức tiếp tục được nâng lên, biên độ lợi nhuận gộp đã được cải thiện tuy nhiên lợi nhuận sau thuế đến từ lợi nhuận khác (hoạt động thanh lý tàu).

- Về khả năng thanh toán

Tại 31/12/2024 các chỉ số khả năng thanh toán từ tức thời đến tổng quát giảm so với cùng kỳ năm 2023 nhưng vẫn đảm bảo an toàn.

Khả năng thanh toán lãi vay tăng cao do trong năm Công ty chỉ mới phát sinh khoản lãi phải trả cho khoản vay mới phát sinh để thực hiện mua tàu Vinaship Unity.

- Về chỉ tiêu công nợ

Các chỉ tiêu công nợ tại thời điểm 31/12/2024 đều tăng so với cùng kỳ năm 2023 do Công ty sử dụng đòn bẩy tài chính để tài trợ cho hoạt động đầu tư.

**III. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữ HĐQT, BDH với Ban Kiểm soát.**

- BKS đã phối hợp chặt chẽ với HĐQT, BDH trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao nhằm nâng cao chất lượng của công tác quản trị, điều hành vì sự phát triển bền vững của Công ty.

- HĐQT, BDH luôn tạo điều kiện thuận lợi để BKS thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của mình; tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

- BKS được mời tham dự tất cả các cuộc họp của HĐQT với tư cách là thành viên tham dự độc lập, khách quan. Các ý kiến, kiến nghị của BKS đều được HĐQT, BDH giải trình, ghi nhận điều chỉnh.

- HĐQT, BKS và BDH đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm và quyền hạn của mình theo đúng quy định của Điều lệ Công ty, quy định của pháp luật và các quy định nội bộ của Công ty trên cơ sở tôn trọng, tạo điều kiện giữa các thành viên trong BKS, giữa BKS với HĐQT và BDH cùng vì mục tiêu chung là đảm

bảo lợi ích của các cổ đông, lợi ích của người lao động, lợi ích chung của Công ty và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với cơ quan nhà nước. Trong năm 2024, BKS không nhận được đơn thư yêu cầu/khiếu nại nào của cổ đông.

#### **IV. Các giao dịch với bên liên quan**

- Năm 2024, Công ty có 12 giao dịch với bên liên quan là các giao dịch với Công ty mẹ, Công ty con cùng tổ hợp Công ty mẹ - công ty con và giao dịch với bên liên quan của cổ đông lớn.

- Công ty đã lập Danh sách các bên liên quan và thực hiện công bố thông tin khi ký hợp đồng với bên liên quan theo quy định của Luật Chứng khoán. Hợp đồng giao dịch với bên liên quan được lấy ý kiến và thông qua tại Nghị quyết của HĐQT, người đại diện ký kết hợp đồng là người đại diện theo pháp luật hoặc là người được ủy quyền của người đại diện theo pháp luật.

Các giao dịch với bên liên quan của Công ty đều phù hợp các quy định hiện hành: Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

#### **D. Đề xuất, kiến nghị của Ban Kiểm soát**

Để hoàn thành tốt các nhiệm vụ năm 2025 và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty, Ban Kiểm soát xin có một số đề xuất, kiến nghị sau:

- Công ty hiện không có bộ phận kiểm soát nội bộ, hàng năm, Công ty thực hiện công tác kiểm toán nội bộ định kỳ theo chương trình kiểm toán nội bộ của Công ty mẹ - Tổng công ty Hàng hải Việt Nam. Vì vậy, đề nghị Công ty xem xét thuê tổ chức kiểm toán độc lập đủ điều kiện hoạt động kiểm toán theo quy định của pháp luật để cung cấp dịch vụ kiểm toán nội bộ theo quy định tại Nghị định số 05/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về Kiểm toán nội bộ.

- Tìm kiếm khách hàng mới, đa dạng, linh hoạt phương thức khai thác Đội tàu, hạn chế thời gian offhire, chờ cầu bến.

- Tìm kiếm khách hàng, tăng doanh thu từ hoạt động cho thuê văn phòng tại 14 Võ Nguyên Giáp.

- Tăng cường hiệu quả kinh doanh tại Công ty TNHH dịch vụ hàng hải Vinaship (Vimaser). Rà soát, sửa đổi bổ sung quy trình lao động hạn chế tổn thất có thể xảy ra.

- Đối với công tác đầu tư/thanh lý:

+ Hoàn thành công tác quyết toán dự án: Xây dựng Trụ sở làm việc Công ty CP vận tải biển Vinaship tại số 14 Võ Nguyên Giáp.

+ Bám sát diễn biến thị trường, lựa chọn thời điểm phù hợp triển khai kế hoạch đầu tư, thanh lý tàu để đạt hiệu quả tối ưu.



- Tiếp tục thực hiện kiểm soát chi phí hiệu quả, tiết kiệm, nâng cao năng lực hoạt động để nâng cao hiệu suất sinh lời của Vốn đầu tư.

Trên đây là báo cáo của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Trân trọng báo cáo đại hội!

**Nơi nhận:**

- Thành viên Hội đồng quản trị Cty;
- Ban điều hành Cty (p/h);
- Thành viên Ban Kiểm soát (th/hiện);
- Lưu VT, VP Ban KS.



**Lã Thị Liên Hương**

Số: 151/VNS-HĐQT

Hải Phòng, ngày 24 tháng 4 năm 2025

## TỜ TRÌNH

VỀ VIỆC NHÂN SỰ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT  
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

### Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG VINASHIP

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
  - Căn cứ Điều lệ Công ty cổ Phần vận tải biển Vinaship;
  - Căn cứ nhu cầu và tình hình nhân sự HĐQT và BKS Công ty nhiệm kỳ 2022-2027
- Hội đồng quản trị xin kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các vấn đề sau:

#### **I. Nhân sự Hội đồng quản trị**

1. Ông Nguyễn Ngọc Ánh, Chủ tịch
2. Ông Vương Ngọc Sơn, Phó chủ tịch
3. Ông Dương Ngọc Tú, Thành viên, Tổng giám đốc
4. Ông Phạm Bá Chính, Thành viên
5. Bà Vũ Thị Phương Thảo, Thành Viên

#### **II. Nhân sự Ban kiểm soát**

- Bà Lã Thị Liên Hương, Trưởng ban  
Bà Nguyễn Hà Thanh, Thành viên  
Ông Phan Văn Hưng, Thành viên

#### **III. Nội dung đề nghị:**

Hội đồng quản trị đã nhận được đơn xin từ nhiệm của các ông có tên sau:

1. Ông Vương Ngọc Sơn, Phó chủ tịch HĐQT đã có đơn xin từ nhiệm chức danh phó chủ tịch, thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022-2027 từ ngày 25/4/2025.
2. Ông Phạm Bá Chính, Thành viên HĐQT đã có đơn xin từ nhiệm chức danh thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022-2027 từ ngày 25/4/2025.
3. Ông Phan Văn Hưng đã có đơn xin từ nhiệm chức danh thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2022-2027 từ ngày 25/4/2025
4. Bà Nguyễn Hà Thanh đã có đơn xin từ nhiệm chức danh thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2022-2027 từ ngày 25/4/2025

Sau khi xem xét, thể theo nguyện vọng cá nhân, Hội đồng quản trị công ty đã thống nhất, chấp thuận đơn từ nhiệm của các ông có tên trên và trình Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn; đồng thời, đề nghị Đại hội bầu bổ sung thành viên HĐQT & BKS tại kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên lần này.



Căn cứ khoản 1 Điều 32, Mục 3, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 thành viên và Ban kiểm soát là 03 thành viên. Do đó, để kiện toàn nhân sự Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, đề nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt nội dung sau:

1. Phê duyệt miễn nhiệm chức danh thành viên HĐQT đối với các ông có tên sau:
  - + Ông Vương Ngọc Sơn
  - + Ông Phạm Bá Chính
2. Phê duyệt miễn nhiệm chức danh thành viên BKS đối với các ông, bà có tên sau:
  - + Ông Phan Văn Hưng
  - + Bà Nguyễn Hà Thanh
3. Phê duyệt bầu bổ sung 02 thành viên HĐQT và 02 thành viên BKS Vinaship nhiệm kỳ 2022-2027

Kính trình Đại hội xem xét quyết định.

Trân trọng cảm ơn./.

**Nơi nhận:**

- Cổ đông công ty
- Lưu VP-HĐQT



**Nguyễn Ngọc Ánh**

**QUY CHẾ BẦU CỬ BỔ SUNG  
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT**

*- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 cùng các văn bản hướng dẫn kèm theo;*

*- Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty CP Vận tải biển Vinaship;*

*- Nhằm bảo đảm cho Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;*

**QUY CHẾ NÀY QUY ĐỊNH:**

**Điều 1:** Đối tượng thực hiện bầu cử: Các cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết (theo danh sách cổ đông Công ty chốt ngày 20/03/2025).

**Điều 2:** Tiêu chuẩn và điều kiện đề cử, ứng cử làm thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) và thành viên Ban kiểm soát (BKS)

**1. Tiêu chuẩn, điều kiện đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị (Điều 155 Luật doanh nghiệp 2020, Điều 35 – Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty CP VTB Vinaship)**

*Thành viên Hội đồng quản trị phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau:*

*- Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;*

*- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;*

*- Thành viên Hội đồng quản trị có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;*

*- Không phải là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của công ty mẹ.*

**Điều kiện ứng cử, đề cử:**

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông: sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử 01 ứng cử viên; sở hữu từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 02 ứng cử viên; sở hữu từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 03 ứng cử viên; sở hữu từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 04 ứng cử viên; sở hữu từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 05 ứng cử viên;





sở hữu từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 06 ứng cử viên; sở hữu từ 70% đến 80% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 07 ứng cử viên; và sở hữu từ 80% đến dưới 90% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 08 ứng cử viên.

**2. Tiêu chuẩn, điều kiện đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát (Điều 169 Luật doanh nghiệp 2020, Điều 50 - Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty CP VTB Vinaship)**

*Thành viên Ban kiểm soát phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau:*

- Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

- Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;

- Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác;

- Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty;

- Không phải là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Công ty;

- Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

- Không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.

***Điều kiện ứng cử, đề cử:***

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông: sở hữu từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử 01 ứng cử viên; sở hữu từ 30% đến dưới 50% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 02 ứng cử viên; sở hữu từ 50% đến dưới 70% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 03 ứng cử viên; sở hữu từ 70% đến dưới 90% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 04 ứng cử viên.

**Điều 3: Số lượng thành viên HĐQT, BKS được bầu:**

- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị được bầu là 02 (hai) thành viên.

- Số lượng thành viên Ban kiểm soát được bầu là 01 (một) thành viên

**Điều 4: Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử thành viên HĐQT, BKS bao gồm:**

- Đơn ứng cử (đề cử) tham gia HĐQT, BKS (theo mẫu);

- Sơ yếu lý lịch do ứng cử viên tự khai (theo mẫu);

- Danh sách nhóm cổ đông (trường hợp ứng viên được nhóm cổ đông đề cử);

- Bản sao có công chứng: CMND/Thẻ căn cước/Hộ chiếu, hộ khẩu thường trú, các bằng cấp chứng nhận trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn.

**Thời hạn nhận hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử thành viên HĐQT, BKS:**

- Hồ sơ tham gia đề cử, ứng cử có thể được nộp trực tiếp hoặc gửi qua thư bảo đảm với điều kiện Ban tổ chức ĐHĐCĐ phải nhận được hồ sơ trước thời gian diễn ra Đại hội, ngày 25 tháng 04 năm 2025.

- Hồ sơ gửi về: Tổ thư ký - Công ty Cổ Phần vận tải biển Vinaship

- Địa chỉ: Tòa nhà Vinaship – Số 14 Võ Nguyên Giáp, phường Kênh Dương, quận Lê Chân, TP. Hải Phòng

- Điện thoại: 0225 3842151 Fax: 0225 3842171

- Chỉ những hồ sơ đề cử hoặc ứng cử đáp ứng đủ điều kiện và những ứng viên đáp ứng đủ điều kiện tương ứng của thành viên HĐQT, BKS mới được đưa vào danh sách công bố tại Đại hội.

**Điều 5: Phiếu bầu và ghi phiếu bầu**

1. Danh sách ứng cử viên HĐQT, BKS được sắp xếp theo thứ tự ABC theo tên, được ghi đầy đủ họ và tên trên phiếu bầu.

2. Phiếu bầu và ghi phiếu bầu.

- Phiếu bầu được in thống nhất, có tổng số quyền biểu quyết theo mã số tham dự;

- Cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền được phát phiếu bầu HĐQT, BKS theo mã số tham dự (*sở hữu và được ủy quyền*);

- Trường hợp ghi sai (nếu có), cổ đông đề nghị Ban kiểm phiếu đổi phiếu bầu khác;

- Cổ đông phải tự mình ghi số quyền biểu quyết bầu cho từng ứng cử viên vào ô trống của ứng cử viên đó trên phiếu bầu. Trong trường hợp ủy quyền hợp lệ (*có giấy ủy quyền*), người được ủy quyền có đầy đủ quyền biểu quyết.

**Các trường hợp phiếu bầu không hợp lệ**

- Phiếu không theo mẫu quy định của Công ty, không có dấu của Công ty;

- Phiếu gạch xóa, sửa chữa, ghi thêm tên không thuộc danh sách ứng cử viên đã được ĐHĐCĐ thống nhất thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu;

- Phiếu có tổng số quyền biểu quyết cho những ứng cử viên của cổ đông vượt quá tổng số quyền biểu quyết của cổ đông đó sở hữu/được ủy quyền.

**Điều 6: Phương thức bầu cử (Khoản 3 Điều 148 Luật doanh nghiệp)**

- Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT, BKS thực hiện bỏ phiếu kín theo phương thức bầu dồn phiếu;

19965  
G T Y  
H A N  
A I B I E  
A S H I P  
O H A I



- Mỗi cổ đông có tổng số quyền biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) nhân với số thành viên được bầu của HĐQT, BKS;
- Cổ đông có thể dồn hết hoặc ít hơn tổng số quyền biểu quyết cho một ứng viên.

#### **Điều 7: Ban Kiểm phiếu, nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu**

##### **- Ban Kiểm phiếu**

- + Ban Kiểm phiếu do Chủ tọa đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua
- + Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm:
  - Thông qua thể lệ bầu cử;
  - Giới thiệu phiếu và phát phiếu bầu;
  - Tiến hành kiểm phiếu;
  - Công bố kết quả bầu cử trước Đại hội.
- + Thành viên Ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử HĐQT, BKS.

##### **- Nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu**

- + Ban Kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông;
- + Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu cử được hoàn tất và kết thúc khi hết thời gian bỏ phiếu đã được ấn định hoặc kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu;
- + Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc;
- + Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản và được Trưởng Ban kiểm phiếu công bố trước Đại hội.

#### **Điều 8: Nguyên tắc bầu dồn phiếu, nguyên tắc trúng cử thành viên HĐQT, BKS:**

**1. Nguyên tắc bầu dồn phiếu:** Theo hướng dẫn quy định tại phụ lục đính kèm theo Quy chế này.

##### **2. Nguyên tắc và điều kiện trúng cử:**

- Người trúng cử thành viên HĐQT, BKS được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp
- Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu ngang nhau, tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau để chọn người có số phiếu cao hơn.
- Nếu sau hai lần bầu cử mà vẫn không chọn được thành viên HĐQT, BKS theo yêu cầu thì ĐHĐCĐ có thể biểu quyết để khuyết thành viên HĐQT, BKS và bầu bổ sung trong kỳ họp ĐHĐCĐ tiếp theo.

**Điều 9: Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu**

- Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải lập biên bản kiểm phiếu. Nội dung biên bản kiểm phiếu bao gồm: Tổng số cổ đông tham gia dự họp, tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu, tỷ lệ quyền biểu quyết của cổ đông tham gia bỏ phiếu so với tổng số quyền biểu quyết của cổ đông tham gia dự họp (theo phương thức bầu dồn phiếu), số và tỉ lệ phiếu hợp lệ, phiếu không hợp lệ, phiếu trống; số lượng và tỉ lệ quyền biểu quyết cho từng ứng cử viên vào HĐQT, BKS;

- Toàn văn Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trước Đại hội.

**Điều 10:** Những khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu sẽ do chủ tọa cuộc họp giải quyết và được ghi vào biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

***Quy chế này gồm 10 Điều, được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua và có hiệu lực thi hành ngay./.***

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**Chủ tịch**



**Nguyễn Ngọc Ánh**





**PHỤ LỤC**  
**HƯỚNG DẪN BẦU DÒN PHIẾU**

Ví dụ Đại hội đồng cổ đông biểu quyết chọn 01 thành viên HĐQT trong tổng số 3 ứng viên. Cổ đông Nguyễn Văn A nắm giữ (*bao gồm sở hữu và được ủy quyền*) 10.000 cổ phần có quyền biểu quyết. Khi đó tổng số quyền biểu quyết của cổ đông Nguyễn Văn A là: **(10.000 x 1) = 10.000 quyền biểu quyết.**

Cổ đông Nguyễn Văn A có thể bầu dòn phiếu theo phương thức sau:

1. Dồn hết 10.000 quyền biểu quyết của mình cho 01 ứng cử viên thành viên HĐQT.

STT	Họ và tên ứng viên	Số phiếu bầu
1	Ứng cử viên A	10.000
2	Ứng cử viên B	0
3	Ứng cử viên C	0
	<b>Tổng cộng =</b>	<b>10.000</b>

2- Phiếu biểu quyết vẫn được coi là hợp lệ khi cổ đông Nguyễn Văn A phân bổ ít hơn 10.000 quyền biểu quyết cho 01 ứng cử viên thành viên HĐQT, ví dụ cụ thể như sau:

STT	Họ và tên ứng viên	Số phiếu bầu
1	Ứng cử viên A	5.000
2	Ứng cử viên B	0
3	Ứng cử viên C	0
	<b>Tổng cộng =</b>	<b>5.000</b>

3- Phiếu bầu của cổ đông Nguyễn Văn A sẽ **không hợp lệ** trong các trường hợp sau:

- Phiếu không theo mẫu do Công ty quy định, không có dấu của Công ty.
- Tổng quyền biểu quyết cho những ứng cử viên đó của cổ đông Nguyễn Văn A vượt quá con số 10.000 quyền biểu quyết.
- Số ứng viên cổ đông Nguyễn Văn A bỏ phiếu vượt quá 01 người và/hoặc ghi bầu người khác không có trong danh sách đề cử.
- Cổ đông Nguyễn Văn A không bầu ai cả.

Số: ~~40~~/VNS-BKS

Hải Phòng, ngày 18 tháng 4 năm 2025

## **TỜ TRÌNH**

V/v lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2025

### **Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG VINASHIP**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ Phần vận tải biển Vinaship.

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông danh sách 03 công ty kiểm toán đủ điều kiện kiểm toán, soát xét báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty như sau:

1. Công ty TNHH Deloitte Việt nam
2. Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC
3. Công ty TNHH kiểm toán và Tư vấn UHY

Ban kiểm soát Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship trân trọng kính trình ĐHĐCĐ thông qua danh sách 03 công ty kiểm toán trên và ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty căn cứ tình hình thực tế sẽ lựa chọn một trong các công ty nói trên để tiến hành kiểm toán, soát xét Báo cáo tài chính năm 2025.

Kính trình Đại hội xem xét quyết định./.

**Nơi nhận:**

- ĐHĐCĐ Vinaship;
- Các TV HĐQT, BKS
- Lưu VP.

**TM. BAN KIỂM SOÁT**  
**TRƯỞNG BAN**



**Lã Thị Liên Hương**



Số: 141 /VNS-HĐQT Hải Phòng, ngày 18 tháng 4 năm 2025

**TỜ TRÌNH**

V/v Báo cáo tài chính, phương án phân phối lợi nhuận năm 2024

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG VINASHIP**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ Phần vận tải biển Vinaship;
- Căn cứ vào tình hình hoạt động SXKD của Công ty.

Hội đồng quản trị xin kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các vấn đề sau:

**I/- Thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY (Báo cáo tài chính kèm theo)**

Các chỉ tiêu chính tại báo cáo tài chính hợp nhất như sau :

*Đơn vị tính: đồng*

TT	Chỉ tiêu	Giá trị
1.	Tổng tài sản	808.856.859.263
2.	Vốn điều lệ	339.999.600.000
3.	Vốn chủ sở hữu	577.162.344.688
4.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	620.600.948.687
5.	Lợi nhuận kế toán trước thuế	82.214.677.627
6.	Lợi nhuận sau thuế	65.721.232.745
7.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.933

**II. Kế hoạch phân phối lợi nhuận của năm 2024 thực hiện trong năm 2025:**

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 công ty mẹ như sau và ủy quyền cho Hội đồng quản trị triển khai thực hiện theo quy định

STT	Chỉ tiêu	Tỷ lệ %	Số tiền ( đồng)
1	Lợi nhuận trước thuế năm 2024		81.754.271.803
2	Chi phí thuế TNDN		16.394.163.067
3	Lợi nhuận sau thuế (3=1-2)		65.360.108.736
4	Lợi nhận sau thuế được phân phối (4=3)		65.360.108.736

STT	Chỉ tiêu	Tỷ lệ %	Số tiền ( đồng)
5	Trích lập các quỹ năm 2024		44.960.132.736
5.1	Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	15,04%	9.831.850.676
	<i>Trong đó:</i>		
	Quỹ khen thưởng		4.915.925.338
	Quỹ phúc lợi		4.915.925.338
5.2	Trích Quỹ thưởng người quản lý	0,35%	228.760.381
5.3	Trích Quỹ đầu tư phát triển	53,40%	34.899.521.679
6	Lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ (6=4-5)		20.399.976.000
7	Chia cổ tức năm 2024 bằng tiền	6,00%	20.399.976.000
8	Lợi nhuận còn lại sau khi phân phối (8=6-7)		0

Kính trình Đại hội xem xét quyết định.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ Vinaship;
- Các TV HĐQT, BKS
- Lưu VP-HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Ngọc Ánh**



Số: 114/VNS-HĐQT

Hải Phòng, ngày 04 tháng 4 năm 2025

## **TỜ TRÌNH**

V/V BÁO CÁO THÙ LAO HĐQT & BKS, TIỀN LƯƠNG 2024  
VÀ KẾ HOẠCH CHI THÙ LAO NĂM 2025

### **Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG VINASHIP**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;  
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần vận tải biển Vinaship;  
Hội đồng quản trị xin được báo cáo và kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua các vấn đề sau :

#### **I. Báo cáo quỹ tiền lương, thù lao HĐQT và BKS thực hiện năm 2024:**

##### **1. Tiền lương của chủ tịch HĐQT chuyên trách:**

- Năm 2024, không trích quỹ lương HĐQT và BKS do Vinaship không có thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát chuyên trách.

2. Mức thù lao của Hội đồng quản trị, ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 thông qua như sau:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị : 5.000.000 đồng/tháng
  - Phó chủ tịch Hội đồng quản trị : 4.000.000 đồng/tháng
  - Thành viên Hội đồng quản trị : 4.000.000 đồng/người-tháng
  - Trưởng Ban Kiểm soát : 4.000.000 đồng/tháng.
  - Thành viên Ban Kiểm soát : 3.000.000 đồng/người-tháng.
  - Người phụ trách quản trị : 2.000.000 đồng/tháng.
- Cụ thể (không tính người phụ trách người quản trị) :
- Tổng cộng: 356.000.000 đồng
  - Thù lao bình quân: 3.869.565 đồng/người/tháng.

#### **II. Kế hoạch tiền lương và thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát năm 2025:**

##### **1. Tiền lương của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát chuyên trách (nếu có):**

Quỹ lương và mức tiền lương được xác định dựa trên tình hình sản xuất kinh doanh và Quy chế quản trị lao động tiền lương của Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship



## 2. Kế hoạch thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

Hội đồng quản trị đề xuất mức chi thù lao cho HĐQT và Ban kiểm soát năm 2025 như sau :

- Chủ tịch Hội đồng quản trị:	8.000.000 đồng/tháng
- Phó chủ tịch Hội đồng quản trị (nếu có)	6.000.000 đồng/tháng
- Thành viên Hội đồng quản trị:	6.000.000 đồng/người-tháng
- Trưởng Ban Kiểm soát:	6.000.000 đồng/tháng.
- Thành viên Ban Kiểm soát:	5.000.000 đồng/người-tháng.
- Người phụ trách quản trị:	3.000.000 đồng/tháng.

Kính trình Đại hội xem xét quyết định.

### Nơi nhận:

- ĐHCĐ Vinaship;
- Các TV HĐQT, BKS
- Lưu VP-HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Ngọc Ánh**





Số: 189/VNS-HĐQT

Hải Phòng, ngày 18 tháng 4 năm 2025

## TỜ TRÌNH

V/v xin phê duyệt chủ trương và phê duyệt dự án đầu tư 02 (hai) tàu biển chở hàng khô đã qua sửa dụng trọng tải từ 28.000 - 35.000 DWT

### **Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG VINASHIP**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ Phần vận tải biển Vinaship;
- Căn cứ vào tình hình hoạt động SXKD của Công ty;

Hội đồng quản trị xin kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua dự án đầu tư mua 02 tàu hàng khô đã qua sử dụng trọng tải từ 28.000 - 35.000 DWT với nội dung chính như sau:

#### **1. Sự cần thiết của việc đầu tư tàu:**

Danh sách đội tàu Vinaship hiện tại

STT	Tên tàu	Loại tàu	Năm đóng/Nơi đóng	Trọng tải (DWT)	Năm đưa vào sử dụng
1	Mỹ Hưng	Chở hàng khô	2003/Việt Nam	6.500	2003
2	Vinaship Gold	Chở hàng khô	2008/Việt Nam	13.245	2008
3	Vinaship Pearl	Chở hàng khô	1996/Nhật Bản	24.241	2009
4	Vinaship Sea	Chở hàng khô	1998/Nhật Bản	27.841	2010
5	Vinaship Unity	Chở hàng khô	2012/Nhật Bản	28.189	2024

Đội tàu Công ty hiện gồm 05 chiếc với tổng trọng tải là 100.016 DWT, độ tuổi bình quân hơn 20 tuổi, trong đó có tàu Vinaship Sea và Vinaship Pearl lần lượt là 27 và 29 tuổi, tàu trẻ nhất 13 tuổi là tàu Vinaship Unity mới đầu tư cuối năm 2024.

Do đội tàu có nhiều tàu già nên chi phí vận doanh cao, quy mô đội tàu nhỏ, năng lực hỗ trợ yếu nên tính cạnh tranh kém so với các đối thủ khác trên thị trường, trọng tải và chủng loại tàu đang dần lạc hậu với sự phát triển của đội tàu khu vực và thế giới, việc đưa tàu khai thác các tuyến xa ngoài khu vực Đông Nam Á gặp nhiều khó khăn liên quan đến tuổi tàu, đăng kiểm và duy trì tình trạng kỹ thuật cũng như cung ứng sửa chữa.

Do đó, việc đầu tư phát triển đội tàu vào giai đoạn này là hết sức cần thiết, mang lại lợi ích cụ thể như sau:

- Phát triển, mở rộng sản xuất và duy trì tốc độ tăng trưởng bền vững. Tăng tổng số tấn phương tiện, nâng cao năng lực vận tải, trẻ hóa đội tàu, tăng khả năng cạnh tranh với các đội tàu trong và ngoài nước.
- Mở rộng thị trường, tăng thị phần vận tải, đa dạng hóa nguồn hàng vận chuyển, đáp ứng nhu cầu vận tải của các đối tác truyền thống và các bạn hàng mới.
- Tăng cường và nâng cao trình độ, năng lực quản lý cho người lao động, gồm đội ngũ cán bộ quản lý và thuyền viên của Công ty.
- Tích lũy nguồn vốn cần thiết cho việc chuẩn bị các điều kiện tài chính, nhân sự để tiếp tục thực hiện chiến lược đầu tư phát triển sản xuất trong tương lai.

## **2. Đặc trưng kỹ thuật cơ bản của tàu đầu tư:**

Sau thời gian giao dịch, trên cơ sở nghiên cứu những đặc điểm của thị trường, mục tiêu và căn cứ vào năng lực tài chính, kinh nghiệm khai thác, khả năng quản lý tàu, Vinaship xác định những đặc trưng chính của tàu dự kiến đầu tư như sau:

Trọng tải (DWT)	28.000 - 35.000 DWT
Năm đóng	2008 - 2014
Nơi đóng	Nhật Bản/ Hàn Quốc/ Trung Quốc
Đăng kiểm (Cơ quan phân cấp)	IACS
Loại tàu	Chở hàng khô
Vùng hoạt động	Không hạn chế

## **3. Hình thức mua:**

Qua phương thức chào hàng cạnh tranh, Công ty sẽ tiến hành thương lượng và thỏa thuận với người bán về dự thảo hợp đồng mua, bán tàu theo thông lệ quốc tế.

## **4. Quy mô và nguồn vốn đầu tư**

a. Tổng mức đầu tư 02 tàu: 664.300.000.000 đồng tương đương 26.00 triệu usd: theo đó, tổng mức đầu tư 01 tàu là 332.150.000.000 đ (tương đương 13.00 triệu usd)

### b. Cơ cấu vốn đầu tư:

- Vốn tự có: 40% - 50% tổng mức đầu tư
- Vốn vay từ ngân hàng thương mại : 50% - 60% giá mua tàu

## **5. Hiệu quả dự án đầu tư:**

Để đánh giá hiệu quả của dự án, Công ty xây Dự án đầu tư 01 tàu với nội dung chính như sau (*Dự án chi tiết kèm theo*)

a. Tổng mức đầu tư 01 tàu : 332.150.000.000 VNĐ



Trong đó

- Giá mua tàu : 330.372.500.000 VNĐ

- Lệ phí trước bạ và chi phí tiếp nhận tàu : 1.770.500.000 VNĐ

**b. Cơ cấu vốn đầu tư:**

- Vốn tự có : 133.926.500.000đ

- Vốn vay ngân hàng thương mại: 60% giá mua tàu tương đương 198.223.500.000đ

- Lãi suất : 7,5% năm

- Thời hạn vay : 07 năm

**c. Hiệu quả:** Các chỉ tiêu hiệu quả của Dự án được tóm tắt như sau:

Chỉ tiêu	Phương án 1	Phương án 2	Phương án 3
Tỷ suất nội hoàn (IRR)	13,40%	14,06%	13,27%
Hiện giá thu nhập thuần (NPV)	138.693.891	153.753.537	140.824.528
Tỷ số lợi ích/chi phí (BCR)	1,45	1,50	1,46
Thời gian hoàn vốn (năm)	9,5	9,1	9,8

**6. Thời gian thực hiện dự án:** Từ thời điểm được thông qua cho đến kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần vận tải biển VINASHIP kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, phê duyệt chủ trương và phê duyệt dự án đầu tư mua 02 tàu chở hàng khô đã qua sử dụng trọng tải từ 28.000 - 35.000 DWT, uỷ quyền cho Hội đồng quản trị công ty quyết định trong phạm vi dự án được phê duyệt nêu trên và thực hiện dự án theo quy định của Pháp luật hiện hành; đồng thời uỷ quyền cho Hội đồng quản trị công ty chủ động, điều chỉnh dự án nếu xét thấy cần thiết, hiệu quả và báo cáo kết quả thực hiện tại Đại hội đồng cổ đông lần gần nhất.

Trân trọng cảm ơn./.

**Nơi nhận:**

- Cổ đông Công ty
- Lưu VP HĐQT



**Nguyễn Ngọc Ánh**

## CHƯƠNG I GIỚI THIỆU DỰ ÁN ĐẦU TƯ

### I. TÊN GỌI DỰ ÁN

Dự án kinh tế khả thi đầu tư tàu hàng khô đã qua sử dụng, trọng tải 28.000 - 35.000dwt

### II. GIỚI THIỆU CHỦ DỰ ÁN

#### 1. Chủ đầu tư:

Tên công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP  
Tên tiếng Anh : VINASHIP JOINT STOCK CO.,  
Tên viết tắt : VINASHIP  
Địa chỉ : Số 14 Võ Nguyên Giáp, P. Kênh Dương, Q. Lê Chân, TP Hải Phòng  
Điện thoại : +84-225-3842151 Fax: +84-225-3842271  
Email : [sandp@vinaship.com.vn](mailto:sandp@vinaship.com.vn)  
Website : [www.vinaship.com.vn](http://www.vinaship.com.vn)

Công ty cổ phần vận tải biển Vinaship (Vinaship) được thành lập từ tháng 12 năm 2006 trên cơ sở cổ phần hóa toàn bộ Công ty vận tải biển III, tổng vốn điều lệ tại ngày 31/12/2024 là 339.999.600.000 đồng, trong đó có 51% vốn góp của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam (Doanh nghiệp Nhà nước).

Là một trong những công ty vận tải biển hàng đầu trong nước, trong quá trình hình thành và phát triển, công ty đã có sự tăng trưởng cả về quy mô và trình độ quản lý, luôn đáp ứng được mọi nhu cầu của thị trường và vượt qua mọi thử thách trong lĩnh vực vận tải biển, đặc biệt trong giai đoạn hiện nay, mặc dù thị trường vận tải biển khủng hoảng nghiêm trọng nhưng công ty vẫn đứng vững và tiếp tục phát triển.

#### 2. Ngành nghề kinh doanh chính:

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203002740 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư TP. Hải Phòng cấp lần đầu ngày 27/12/2006 với các ngành nghề hoạt động chính của Công ty VINASHIP gồm:

- Vận tải hàng hóa ven biển viễn dương
- Đại lý hàng hải
- Môi giới hàng hải
- Kinh doanh kho bãi
- Khai thác cầu cảng
- Xếp dỡ hàng hoá
- Đại lý vận tải, giao nhận thu gom hàng hoá

#### 3. Cơ cấu tổ chức Công ty

- a) Hội đồng quản trị : Gồm 05 thành viên
- b) Ban điều hành : Gồm 01 Tổng giám đốc và 02 phó tổng giám đốc
- c) Các phòng ban chức năng và văn phòng đại diện gồm
  - Phòng Khai thác
  - Phòng Tài chính Kế toán
  - Phòng Kỹ Thuật
  - Phòng Vật tư



- Phòng Tổ chức nhân sự thuyền viên
- Phòng Pháp chế an toàn hàng hải
- Phòng Hành chính Tổng hợp
- Chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh, TP Hạ Long.
- Công ty TNHH Dịch vụ hàng hải Vinaship.

d) Phương tiện vận tải:

Công ty hiện đang sở hữu và quản lý khai thác 05 tàu hàng khô với một số đặc trưng kỹ thuật như sau:

STT	Tên tàu	Loại tàu	Năm đóng	Nơi đóng	DWT	GRT	Quốc tịch	Đăng kiểm
1	Mỹ Hưng	Hàng khô	2003	Việt Nam	6.595	4.089	VN	VR
2	Vinaship Gold	Hàng khô	2008	Việt Nam	13.245	8.216	VN	VR
3	Vinaship Pearl	Hàng rời	1996	Nhật Bản	24.241	14.602	VN	VR
4	Vinaship Sea	Hàng rời	1998	Nhật Bản	27.841	18.108	VN	VR
5	Vinaship Unity	Hàng rời	2012	Nhật Bản	28.189	17.019	VN	NK & VR

#### 4. Nguồn nhân lực:

Chất lượng nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển lâu dài và bền vững của Vinaship, do đó Vinaship luôn đặt mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp lên hàng đầu trong chiến lược phát triển của mình. Tính đến tháng 12/2024, số lượng cán bộ nhân viên chính thức của Công ty là 285 người trong đó khối thuyền viên là 219 người.

## II. HÌNH THỨC ĐẦU TƯ

Trong ngành vận tải biển, đầu tư phát triển đội tàu có thể thực hiện thông qua các hình thức sau:

*a) Đầu tư đóng mới:* Là hình thức đặt hàng đóng mới tàu biển tại các cơ sở đóng tàu trong và ngoài nước theo một thiết kế nhất định hoặc mua tàu mới đóng xong chưa sử dụng. Hình thức này có giá trị đầu tư khá lớn nên chỉ thích hợp với những chủ đầu tư có năng lực tài chính lớn hoặc được tài trợ phần lớn vốn đầu tư. Thời gian từ khi giải ngân đến lúc nhận bàn giao tàu tương đối dài.

*b) Mua tàu qua sử dụng:* Là hình thức mua tàu đã qua sử dụng trên thị trường mua bán tàu biển trong và ngoài nước. Hình thức này có ưu điểm vốn đầu tư thấp hơn so với hình thức đặt đóng mới, thời gian nhận tàu kể từ khi giải ngân ngắn do chủ yếu sử dụng phương thức mua và thanh toán ngay khi nhận tàu. Nhược điểm là không có nhiều sự lựa chọn cỡ tàu theo mục đích của chủ đầu tư, giá tàu thay đổi thường xuyên theo thị trường.

Trên cơ sở phân tích ưu nhược điểm của các hình thức đầu tư trên, căn cứ khả năng tài chính của mình, Vinaship lựa chọn hình thức đầu tư cho dự án là mua tàu qua sử dụng ở thị trường trong nước hoặc nước ngoài theo phương thức mua và thanh toán ngay khi nhận tàu.

### III. MỤC ĐÍCH ĐẦU TƯ

Đội tàu Công ty hiện gồm 05 chiếc với tổng tấn trọng tải là 100.111 DWT, độ tuổi bình quân hơn 20 tuổi, trong đó 1 tàu có trọng tải 24.241 DWT là 28 tuổi, 1 tàu trọng tải 27.841 DWT là 26 tuổi, 1 tàu 6.595 DWT là 21 tuổi, 1 tàu 13.245 DWT là 16 tuổi và 1 tàu 28.189 DWT công ty mới mua thành công vào cuối năm 2024 là 13 tuổi. Đội tàu có tuổi tàu trung bình cao, chi phí vận doanh khá cao, quy mô đội tàu nhỏ, năng lực hỗ trợ yếu nên giá thành vận tải của doanh nghiệp trong nhiều trường hợp kém tính cạnh tranh so với các đối thủ khác trên thị trường, chủng loại tàu đang dần lạc hậu với sự phát triển của đội tàu khu vực và thế giới, việc đưa tàu khai thác các tuyến xa ngoài khu vực Đông Nam Á gặp khó khăn về duy trì tình trạng kỹ thuật, cung ứng sửa chữa. Do vậy, việc đầu tư phát triển đội tàu vào giai đoạn này là hết sức cần thiết, mang lại lợi ích cụ thể như sau:

- Phát triển, mở rộng sản xuất và duy trì tốc độ tăng trưởng bền vững: Tăng tổng số tấn phương tiện, nâng cao năng lực vận tải, trẻ hóa đội tàu của Công ty, tăng khả năng cạnh tranh với các đội tàu trong và ngoài nước.
- Mở rộng thị trường, tăng thị phần vận tải, đa dạng hóa nguồn hàng vận chuyển, đáp ứng nhu cầu vận tải của các đối tác truyền thống và các bạn hàng mới.
- Tăng cường và nâng cao trình độ, năng lực quản lý cho người lao động, gồm đội ngũ cán bộ quản lý và thuyền viên của Công ty.
- Tạo thêm việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, đóng góp thêm nguồn thuế cho ngân sách nhà nước, tăng thu ngoại tệ cho đất nước.
- Tích lũy nguồn vốn cần thiết cho việc chuẩn bị các điều kiện tài chính, nhân sự để Công ty tiếp tục thực hiện chiến lược đầu tư phát triển sản xuất trong tương lai.

### IV. CƠ SỞ PHÁP LÝ CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Dự án đầu tư được xây dựng và triển khai trên cơ sở các chủ trương, quy hoạch phát triển ngành hàng hải Việt Nam và tuân thủ các quy định của Chính phủ, Bộ Giao thông vận tải, Cục hàng hải Việt Nam, gồm :

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Luật hàng hải Việt Nam
- Luật đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành.
- Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu.
- Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT ngày 07 tháng 12 năm 2016 và Thông tư số 16/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2022;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship (Vinaship);
- Quy định về trình tự, thủ tục và hồ sơ mua, bán, đóng mới tàu biển ban hành kèm theo Quyết định số 202/VNS/QĐ-HĐQT, ngày 15/8/2024 của Hội đồng quản trị Vinaship;



## CHƯƠNG II LỰA CHỌN TÀU ĐẦU TƯ

### I. PHƯƠNG PHÁP CHỌN TÀU

Trên cơ sở nghiên cứu những đặc điểm của thị trường mục tiêu và căn cứ vào năng lực tài chính, kinh nghiệm khai thác và quản lý tàu của mình, Vinaship xác định những đặc trưng kỹ thuật chính của tàu đầu tư như sau:

- Loại tàu : Chở hàng tổng hợp (General cargo)
- Cấu trúc : Một tầng boong (Single Deck)
- Tải trọng : 28.000 - 35.000 DWT
- Năm đóng : 2008 - 2014
- Nơi đóng : Nhật Bản/Hàn Quốc/ Trung Quốc

Là công ty chuyên về kinh doanh vận tải hàng rời, việc quyết định đầu tư loại tàu trên được căn cứ theo những lý do sau:

- Tổng mức đầu tư của dự án cỡ tàu nói trên phù hợp với khả năng tài chính và khả năng huy động vốn đầu tư của Vinaship.
- Đặc trưng kỹ thuật loại tàu này phù hợp với nhu cầu vận chuyển, đặc trưng của hàng hóa, thuận lợi cho công tác xếp dỡ, phù hợp với khả năng, trình độ khai thác và quản lý của đội ngũ cán bộ nhân viên, sỹ quan thuyền viên Vinaship.
- Lợi thế kinh doanh của loại tàu nói trên là rất cao bởi lẽ nhu cầu thị trường với loại tàu này còn rất lớn trong khi số lượng tàu hiện có trên thị trường ngày càng giảm do số lượng tàu bổ sung qua đóng mới rất hạn chế bởi các cơ sở đóng tàu trong và ngoài nước đang có xu hướng tập trung đóng loại tàu cỡ lớn và tàu chuyên dụng.
- Thời gian khai thác tàu còn trên 10 năm.
- Thiết kế và tình trạng kỹ thuật hoàn toàn thỏa mãn và phù hợp các công ước quốc tế, quy phạm phân cấp của các cơ quan đăng kiểm uy tín, đồng thời phù hợp với yêu cầu về tuyến khai thác, luồng hàng vận chuyển.

### II. ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT CƠ BẢN TÀU TÍNH TOÁN DỰ ÁN:

Căn cứ theo chủ trương và phương pháp chọn tàu nêu trên, Vinaship lựa chọn tàu có đặc trưng kỹ thuật cơ bản như sau để làm cơ sở tính toán dự án. mặc dù trên thực tế khi lựa chọn mua tàu sẽ có những thay đổi nhất định. Tuy nhiên, trọng tải, tuổi tàu sẽ tương ứng với tổng mức đầu tư và vòng đời dự án, do đó hiệu quả của dự án, về cơ bản sẽ không biến động nhiều.

#### 1. Mô tả chung

Tên tàu	<b>TBA</b>
Năm đóng	2010
Nơi đóng	Nhật Bản
Đăng kiểm/ Cơ quan phân cấp	ClassNK (Nhật Bản)

<b>2. Đặc tính kỹ thuật</b>	
Loại tàu	Hàng rời
Vùng hoạt động	Không hạn chế
Trọng tải (DWT)	33.126
Dung tích đăng ký quốc tế (GT/NT)	21.483/10.828
Mớn nước (m)	10,02 m
Tốc độ thiết kế (hải lý/ giờ)	
Chiều dài tối đa -LOA (m)	177
Chiều dài - LBP (m)	168,5
Chiều rộng / Độ sâu (m)	28,6 m /10,1 m
Trọng tải tàu không	8.358 MT
Số hầm hàng / miệng hầm hàng	5/5
Dung tích hàng rời/ hàng bao kiện (cbf)	42.630/ 41.207
Tốc độ và tiêu hao nhiên liệu (FO/DO)	
Tốc độ đầy tải/ định mức tiêu thụ	12 knots / 17,5 TDP (380CST) + 0,2 MGO (ngày)
Tốc độ không tải/ định mức tiêu thụ	12,5 knot / 16 TDP (380CST) + 0,2 MGO (ngày)
Thiết bị thông tin liên lạc, hàng hải	Theo yêu cầu của đăng kiểm
Thiết bị làm hàng	
Số lượng	04
Loại cần cẩu	Cầu quay (Cranes)
Sức nâng (SWL)	04 x 30 MT
Máy tàu	
Máy chính /Hãng chế tạo/Loại	KOBE HATSUDOKI, MITSUBISHI (6UEC45LSE) 10156 BHP
Số lượng	01
Máy đèn /Hãng chế tạo/Loại	DAIHATSU 6DC-17AE MỖI ĐẦU RA 430 KW
Số lượng	03

### III. ĐỊNH BIÊN THUYỀN VIÊN

Căn cứ Thông tư số 20/2023/TT-BGTVT của Bộ Giao thông vận tải ban hành ngày 30/6/2023 quy định về tiêu chuẩn chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn, đào tạo, huấn luyện thuyền viên và định biên an toàn tối thiểu của tàu biển Việt Nam.

Căn cứ đặc tính kỹ thuật tàu, trình độ chuyên môn, năng lực quản lý và khai thác tàu hiện nay, Vinaship bố trí định biên tàu là 22 thuyền viên như tại Bảng Lương thuyền viên đính kèm theo.



### CHƯƠNG III

## PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC KINH DOANH

#### I. TUYẾN KHAI THÁC

##### ***1. Phương án 1: Việt Nam – Indonesia – Việt Nam***

- Hình thức khai thác : Tàu chuyển
- Tuyến khai thác : Biển quốc tế.
- Mặt hàng chở: Gạo, Than

##### ***2. Phương án 2: Việt Nam – Indonesia – China – Phillipines – Việt Nam***

- Hình thức khai thác : Tàu chuyển
- Tuyến khai thác : Biển quốc tế
- Mặt hàng chở: Gạo, Quặng Nikel, phân bón, xi măng bịch

##### ***3. Phương án 3: cho thuê định hạn***

***\* Chi tiết ở các Bảng các chỉ tiêu khai thác đính kèm theo***

#### II. PHƯƠNG PHÁP TÍNH TOÁN HIỆU QUẢ KHAI THÁC

Đối với dự án đầu tư tàu biển, phương pháp hạch toán thường được các công ty vận tải biển áp dụng là xác định hiệu quả khai thác tàu trong 1 năm dựa hiệu số giữa tổng thu và tổng chi của tàu trong năm đó. Tổng thu của dự án là doanh thu cước vận tải và các khoản thu nhập bất thường khác của tàu. Tổng chi của dự án là các khoản chi phí khai thác của tàu như khấu hao, sửa chữa, bảo hiểm, thuyền viên, nhiên liệu, cảng phí v.v. Chi tiết các khoản mục thu nhập và chi phí của dự án cũng như phương pháp tính toán được trình bày cụ thể trong phần “Phân tích tài chính dự án đầu tư”.

## CHƯƠNG IV PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ

### I. TỔNG MỨC ĐẦU TƯ, CƠ CẤU NGUỒN VỐN VÀ PHƯƠNG ÁN TRẢ NỢ

#### 1. Tổng mức đầu tư dự kiến:

*Tổng vốn đầu tư = Giá mua tàu + Thuế GTGT + Thuế trước bạ + Chi phí giao nhận tàu.*

Trong đó:

- Giá mua tàu dự kiến: 330.372.500.000 VNĐ
- Thuế GTGT: Áp dụng thuế suất theo quy định hiện hành của Bộ Tài Chính (thuế được hoàn).
- Lệ phí trước bạ: Áp dụng mức 1% đối với tài sản là tàu thuyền, nhưng không quá 500 triệu đồng/tài sản.
- Chi phí giao nhận tàu dự kiến: Bao gồm chi phí thuyền viên làm quen trên tàu, phí đưa đoàn thuyền viên đi nhận tàu, chi phí đại lý, giám định, đăng kiểm v.v

Căn cứ tổng mức đầu tư dự kiến như trên, Công ty xây dựng cơ cấu nguồn vốn cho dự án như sau:

Tổng vốn đầu tư mua tàu: **332.150.000.000 VNĐ**

Trong đó:

- Nguồn vốn tự có (đối ứng): 133.926.500.000 VNĐ
- Nguồn vốn vay thương mại: 198.223.500.000 VNĐ

#### 2. Kế hoạch trả nợ

Kỳ hạn vay vốn: 7 năm

Lãi suất vay: 7,5 %

Kỳ hạn thanh toán gốc và lãi: 3 tháng/ lần

Phương thức trả nợ: trả dần định kỳ cả nợ gốc và tiền lãi vay với kỳ khoản giảm dần (không cố định).

Chi tiết kế hoạch trả nợ theo biểu số 1 (phần phụ lục): Kế hoạch trả nợ vốn vay tín dụng

### II. NGUỒN THU CỦA DỰ ÁN

#### 1. Doanh thu vận tải

Với phương thức khai thác tàu chuyển, doanh thu vận tải của một phương án khai thác tàu chính là tổng tiền cước vận tải thu được của phương án đó. Để thuận lợi cho việc tính toán, dự án áp dụng phương pháp tính cước phổ biến nhất trong khai thác tàu chuyển là tính trên đơn vị khối lượng hàng vận chuyển. Công thức tính:

$$DT_C = F_C \times Q_C$$

Trong đó:

$DT_C$  : Tổng doanh thu cước 1 chuyến (đồng)

$F_C$  : Giá cước tính trên một đơn vị hàng hóa (đồng/ tấn)

$Q_C$  : Khối lượng hàng hóa 1 chuyến( tấn hoặc m<sup>3</sup> v.v).

Tổng doanh thu một năm được xác định theo công thức

$$DT_N = DT_C \times N_C$$

Trong đó:



$DT_C$  : Tổng doanh thu cước 1 chuyến (đồng)

$N_C$  : Số chuyến khai thác trong một năm

(với  $N_C$  = Thời gian khai thác trong năm/Thời gian khai thác 1 chuyến)

Trong 1 năm, thời gian khai thác bình quân của tàu khoảng 345 ngày, Đối với những năm tàu lên đà kỳ đặc biệt hoặc trung gian, thời gian khai thác được tính là 330.

## 2. Giá trị thu hồi

Là giá trị tàu bán để phá dỡ (giá trị giải bản) để thu hồi một phần vốn đầu tư khi tàu không còn khả năng kinh doanh sau hơn 15 năm khai thác liên tục (tuổi tàu trên 20).

Phương án tính giá giải bản dựa trên cơ sở thống kê giá bán tàu phá dỡ trên báo cáo thị trường thực tế vào thời điểm hiện tại. Mức giá giải bản trung bình khoảng 470 USD/LWT (tấn trọng lượng tàu không).

Cụ thể :

*Đơn giá tàu giải bản (đồng/LWT) : 470 USD*

*Trọng lượng tàu giải bản (LWT) :  $8.358 \times 470 \times 25.550 = 100.367.043.000$  VNĐ*

## III. CÁC KHOẢN CHI CỦA DỰ ÁN

### A. Nhóm chi phí cố định:

#### 1. Chi phí khấu hao cơ bản tài sản cố định

Chi phí khấu hao tài sản cố định được tính toán dựa trên phương pháp khấu hao đường thẳng theo Thông tư TT45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013. Với dự án này, dự kiến trích khấu hao trong 12 năm

$$KH_{CB} = \frac{NG}{T_{KHCB}}$$

Trong đó:

$KH_{CB}$  : Mức khấu hao cơ bản hằng năm

$NG$  : Giá trị (nguyên giá) tàu

$T_{KHCB}$  : Thời gian trích khấu hao.

## 2. Chi phí bảo hiểm tàu

### a) Chi phí bảo hiểm thân máy tàu (Hull & Machinery)

Bảo hiểm thân máy tàu biển do chủ tàu mua với mức phí bảo hiểm theo thỏa thuận giữa chủ tàu (bên mua bảo hiểm) với nhà bảo hiểm căn cứ vào tuổi tàu. Mức phí được lấy từ giá bảo hiểm phải trả thực tế của cỡ tàu tương đương.

### b) Chi phí bảo hiểm trách nhiệm dân sự chủ tàu (P&I)

Phí bảo hiểm P&I được tính trên cơ sở đơn vị dung tích đăng ký của tàu (Gross tonnage - GT) tham gia bảo hiểm. Trong dự án này, chi phí bảo hiểm P&I của tàu được lấy theo số thực tế của tàu có kích cỡ tương đương.

### 3. Chi phí sửa chữa tàu

Đây là khoản mục chi phí dùng cho việc sửa chữa tàu để duy trì cấp tàu và tình trạng kỹ thuật ổn định trong suốt quá trình khai thác, bao gồm:

a) *Chi phí sửa chữa lớn*: là chi phí cho việc sửa chữa định kỳ được thực hiện theo quy định của cơ quan phân cấp tàu biển. Chu kỳ thực hiện là 05 năm/lần đối với kỳ lên đà sửa chữa đặc biệt và 2,5 năm/lần đối với kỳ lên đà sửa chữa trung gian.

Quỹ khấu hao sửa chữa lớn hằng năm của Công ty được trích theo công thức sau:

$$KH_{SCL} = \frac{P_{SCL}}{T_{SCL}} \text{ USD/năm}$$

Trong đó:

$KH_{SCL}$  : Chi phí khấu hao sửa chữa lớn hằng năm  
 $P_{SCL}$  : Tổng chi phí 01 kỳ sửa chữa lớn của tàu.  
 $T_{SCL}$  : Chu kỳ sửa chữa lớn (= 2,5 năm)

Trong thời gian khai thác của tàu khoảng 15 năm như dự án tính toán, chi phí sửa chữa lớn phát sinh không giống nhau và thường tăng dần do tuổi tàu ngày càng cao, do vậy dự án sử dụng phương pháp phân bổ chi phí sửa chữa lớn theo từng chu kỳ lên đà đặc biệt (SS) của tàu (5 năm / lần).

b) *Chi phí sửa chữa thường xuyên*: là chi phí cho việc sửa chữa nhỏ kết hợp với duy tu bảo dưỡng tàu được tiến hành tại các đầu bến. Tương tự như trên, chi phí sửa chữa thường xuyên được dự tính trên cơ sở từng chu kỳ giám định đặc biệt (SS), chi phí này cũng tăng theo tuổi tàu.

### 4. Chi phí vật liệu:

a) *Chi phí dầu bôi trơn*: gồm dầu nhờn cho máy chính, máy đèn, dầu xi lanh và dầu tuần hoàn. Định mức tính theo lít/ ngày tàu vận doanh. Định mức tiêu hao và giá dầu nhờn như trong Biểu số 3, 6, 9 về Chi tiêu khai thác các phương án 1, 2, 3.

b) *Chi phí nước ngọt (Fresh Water)*: gồm nước ngọt phục vụ nồi hơi của tàu và phục vụ sinh hoạt của thuyền viên trên tàu. Định mức sử dụng nước ngọt của tàu dự kiến đầu tư khoảng 12 tấn/ngày vận doanh. Dựa vào chi phí thực tế cấp nước ngọt cho tàu, để thuận tiện cho việc tính toán dự án lấy đơn giá tính toán bình quân là 8-10 USD /tấn với tuyến chạy nước ngoài.

c) *Chi phí vật liệu khác* : gồm chi phí vật rẻ mau hỏng, hải đồ, các ấn phẩm hàng hải phục vụ cho quá trình hành hải của tàu.

### 5. Chi phí thuyền viên

a) *Lương thuyền viên*: Cơ sở tính theo lương thực trả.

(Chi tiết như Bảng lương thuyền viên ở phần phụ lục)

b) *Tiền ăn định lượng thuyền viên*:

Tàu hoạt động tuyến nội địa và Đông Nam Á 120.000 đồng/người/ngày

Tàu hoạt động tuyến nước ngoài (Bắc Á...) 130.000 đồng/người/ngày

c) *Bảo hiểm xã hội, kinh phí công đoàn*: Tỷ lệ và mức trích từ lương cơ bản của người lao động (thuyền viên) theo quy định hiện hành của nhà nước .

$$P_{BHXH,KPCĐ} = P_{Lcb} \times 20,5 \%$$



d) *Chi phí lao động khác* là các chi phí trả cho thuyền viên liên quan đến thực hiện các công việc ngoài chức trách thuyền viên như kiểm đếm, giao nhận áp tải, vệ sinh hầm hàng. Khoảng 800.000.000 VNĐ/năm/tàu

#### 6. *Chi phí quản lý:*

Chi phí quản lý tàu bao gồm chi phí nhân công quản lý, chi phí văn phòng, giao dịch, thông tin liên lạc v.v được tính toán trên cơ sở phân bổ tỷ lệ % nhất định theo doanh thu toàn bộ đội tàu của công ty. Theo kinh nghiệm, Công ty VINASHIP tính khoảng từ 2–3 % tổng doanh thu của tàu mỗi năm.

#### 7. *Chi phí lãi vay vốn:*

Lãi vay ngân hàng được tính toán trên cơ sở tổng vốn vay đầu tư tàu, lãi suất cho vay và kỳ hạn thanh toán trong hợp đồng tín dụng với ngân hàng. Dự án sử dụng phương thức trả nợ dần theo kỳ khoản không cố định (giảm dần).

Chi tiết chi phí lãi vay hàng năm theo biểu số 1 (Kế hoạch trả vốn và lãi vay tín dụng)

#### 8. *Chi phí khác*

Là những chi phí phát sinh không thường xuyên như chi phí bồi thường khiếu nại trách nhiệm dân sự liên quan đến hàng hóa (tổn thất, hư hỏng hàng hóa v.v) theo kinh nghiệm của Công ty, chi phí này dao động khoảng 2- 3% tổng doanh thu mỗi năm

### B. *Chi phí chuyển đi (chi phí biến đổi):*

#### 9. *Chi phí nhiên liệu F.O, D.O:*

Nhiên liệu sử dụng cho tàu trong quá trình khai thác bao gồm dầu nặng (Fuel Oil - F.O) phục vụ máy chính và dầu mazut (Diesel Oil - D.O) phục vụ máy đèn.

Giá nhiên liệu sử dụng trong dự án được tham khảo trên cơ sở số liệu thống kê mới nhất trong thời gian gần đây.

Giá dầu FO, DO lấy theo giá tại thị trường Singapore: FO= 470 USD/T, DO= 647 USD/ T

Chi phí nhiên liệu được tính toán trên cơ sở định mức tiêu hao nhiên liệu của tàu trên các tuyến cụ thể. Mức tiêu hao nhiên liệu thực tế phụ thuộc vào nhiều yếu tố như tuyến khai thác, thời gian chạy biển (chờ hàng, chạy rỗng), tốc độ khai thác, thời gian làm hàng v.v.

Công thức xác định chi phí nhiên liệu 1 chuyến đi:

$$P_{NL} = P_{FO} + P_{DO} + P_{AO}$$

Với

$$\begin{aligned} P_{FO} &= (T_{CH} \times FO_{CH} + T_{KH} \times FO_{KH}) \times R_{FO} \\ P_{DO} &= (T_X + T_D) \times DO_{LH} + (T_{CH} + T_{KH}) \times DO_{HT} + T_{CD} \times DO_{SH} \times R_{DO} \\ P_{AO} &= T_{Chuyến} \times (AO_{DN} \times R_{DN} + AO_{XL} \times R_{XL} + AO_{TH} \times R_{TH}) \end{aligned}$$

Trong đó:

$P_{FO, DO, AO}$  : Chi phí dầu FO, DO, dầu bôi trơn (dầu nhớt, xi lanh, tuần hoàn) (USD)

$T_{CH, KH, X, D, CD, Chuyến}$  : Thời gian tàu chạy có hàng, không hàng, xếp hàng, dỡ hàng, chờ đợi, tổng thời gian chuyến (ngày)

$R_{FO, DO, DN, XL, TH}$  : Đơn giá FO, DO, dầu nhớt, xi lanh, dầu tuần hoàn (USD/tấn)

$FO_{CH,KH}$  : Định mức tiêu hao dầu FO khi tàu chạy có hàng, không hàng (tấn/ngày)  
 $DO_{HT,LH,SH}$  : Định mức tiêu hao DO khi hành trình, làm hàng và sinh hoạt (tấn/ngày)  
 $AO_{DN,XL,TH}$  : Định mức tiêu hao dầu nhớt, dầu xi lanh, dầu tuần hoàn (lít/ngày)

#### 10. Chi phí cảng phí, hoa hồng môi giới, phí tàu già:

##### a) Cảng phí:

Là khoản tiền tàu/chủ tàu phải trả cho các cảng (thông qua đại lý tàu tại địa phương) và các khoản chi liên quan đến việc tàu vào cảng để xếp, dỡ hàng, nhận nhiên liệu, vật tư, thay thế thuyền viên, hoặc các công việc khác liên quan. Do tàu chạy chuyên tuyến, Công ty thỏa thuận mức khung cảng phí khoán gọn cho đại lý tàu tại cảng theo thời gian tàu lưu tại cảng. Chi tiết mức cảng phí theo cảng tuyến cụ thể như sau:

Stt	Tuyến đường	Hàng hóa	Cảng phí (USD)	
			Cảng xếp	Cảng dỡ
1	Philippines - Việt Nam	Xi măng bịch	8.000	27.000
2	Việt Nam - Indonesia	Gạo bao	25.000	45.000
3	Indonesia – Vietnam	Than	8.000	10.000
4	Indonesia – China	Quặng Nikel	25.000	20.000
5	China – Philippines	Phân bón	20.000	30.000

##### b) Chi phí giảm giá cước, hoa hồng môi giới (Address & Brokage Commission)

Theo thông lệ hàng hải quốc tế đối với các mặt hàng thông thường, chi phí giảm giá cước là 1,25% và phí môi giới khoảng là 2 -3 % tính trên tổng doanh thu vận tải chuyển.

##### c) Phí tàu già (Over Ages Premium)

Là khoản phụ phí bảo hiểm hàng hóa phát sinh do việc sử dụng các tàu biển có độ tuổi từ 15 trở lên để vận chuyển hàng. Theo thị trường bảo hiểm thế giới hiện nay tỷ lệ phí áp dụng với loại tàu hàng bách hóa trên 15 tuổi khoảng 0,125% tổng giá trị lô hàng. Trong dự án này phí tàu già được tính từ 3% đến 4 % doanh thu và tăng theo tuổi tàu.

#### IV. PHÂN TÍCH HIỆU QUẢ ĐẦU TƯ

##### 1. Các chỉ tiêu hiệu quả đầu tư

Theo kết quả tính toán hiệu quả đầu tư phương án khai thác tàu, các chỉ tiêu hiệu quả đầu tư được tóm tắt như sau:

Chỉ tiêu	Phương án 1	Phương án 2	Phương án 3
Tỷ suất nội hoàn (IRR)	13,40%	14,06%	13,27%
Hiện giá thu nhập thuần (NPV)	138.693.891	153.753.537	140.824.528
Tỷ số lợi ích/chi phí (BCR)	1,45	1,50	1,46
Thời gian hoàn vốn (năm)	9,5	9,1	9,8

##### 2. Đánh giá các chỉ tiêu hiệu quả đầu tư

Các dữ liệu tính toán đầu vào được xử lý kỹ trên cơ sở số liệu thống kê trong thời gian dài. Do vậy, dự án này thể hiện tính phù hợp với thực tiễn tại thời điểm hiện nay, đảm



bảo tính chính xác trong suốt vòng đời dự án trong điều kiện các thị trường cước, nhiên liệu, v.v dao động trong biên độ cho phép.

*a) Chỉ tiêu IRR*

Đây là chỉ tiêu đánh giá tổng thu bằng tổng chi của dự án.

$IRR >$  mức lãi suất vay thương mại (bằng đồng VNĐ khoảng 7,5%/ năm) là dự án được coi là hiệu quả và chấp nhận được tại thị trường trong nước thời điểm hiện nay.

*b) Chỉ tiêu NPV*

Là giá trị hiện tại của thu nhập thuần của dự án.

Chỉ tiêu  $NPV \geq 0$  là dự án đạt hiệu quả kinh tế và có tính khả thi.

*c) Chỉ tiêu BCR*

Là tỷ số giữa lợi ích thu được và chi phí bỏ ra của dự án. Đây là chỉ tiêu được sử dụng như một tiêu chuẩn so sánh lựa chọn phương án đầu tư. Dự án được chấp nhận khi có tỷ số  $BCR \geq 1$ , tức là tổng các khoản lợi ích thu được của dự án đủ để bù đắp chi phí bỏ ra và dự án có khả năng sinh lời.

*d) Chỉ tiêu thời gian hoàn vốn*

Thể hiện số thời gian cần thiết mà dự án cần hoạt động để thu hồi đủ số vốn đầu tư ban đầu (gồm cả vốn vay thương mại và vốn đối ứng). Chỉ tiêu thời gian hoàn vốn cụ thể ở bảng trên.

### **3. Đánh giá độ an toàn về mặt tài chính**

*a) An toàn về nguồn vốn*

Vốn đầu tư của dự án được huy động từ 2 nguồn là vốn đối ứng (vốn tự có) và vốn vay tín dụng. Tỷ lệ giữa vốn đối ứng và vốn đi vay của dự án ở mức chấp nhận được.

*b) Khả năng trả nợ*

Khả năng trả nợ của dự án được xem xét trên cơ sở nguồn thu và nợ (gốc và lãi) phải trả hằng năm của dự án, và thường được đánh giá thông qua bảng cân đối thu chi và tỷ số khả năng trả nợ của dự án.

Nguồn trả nợ hằng năm của dự án gồm quỹ khấu hao cơ bản và lợi nhuận kinh doanh sau thuế của tàu hằng năm. Theo phương án trả nợ, dự án sẽ hoàn tất việc thanh toán nợ toàn bộ gốc và lãi vay trong vòng 7 năm, tương đương 28 kỳ thanh toán. Do đó, xét tổng thể, dự án được đảm bảo an toàn và khả thi về tài chính.

## CHƯƠNG VI KẾT LUẬN

Với những đánh giá và phân tích về tình hình thị trường vận tải biển, hình thức đầu tư, lựa chọn đầu tư cùng với các chỉ tiêu tính toán của dự án, cho thấy đây là dự án đầu tư có tính khả thi và hiệu quả; đảm bảo được nguồn trả nợ ngân hàng và có tích lũy đến thời điểm hết khấu hao, thanh lý tàu vẫn còn giá trị lớn, tính theo thời điểm này bán giá sắt vụn cũng được gần 4 triệu USD. Giá trị còn lại của con tàu cùng với nguồn lợi nhuận tích lũy sẽ là nguồn vốn đối ứng lớn để tiếp tục đầu tư và phát triển tàu.

Về phương diện kỹ thuật, tình trạng máy móc, trang thiết bị, nghi khí hàng hải của tàu (theo phân cấp của Cơ quan đăng kiểm NK Nhật Bản) là hoàn toàn phù hợp, đủ khả năng khai thác trên tuyến quốc tế và có thể duy trì tình trạng kỹ thuật này trong suốt vòng đời dự án.

Về phương diện tài chính, các chỉ tiêu tài chính của dự án như NPV, IRR, BCR thời gian thu hồi vốn, độ an toàn về nguồn vốn, khả năng thanh toán nghĩa vụ tài chính ngắn hạn và khả năng trả nợ đều phản ánh tính khả thi và hiệu quả của dự án.

Về góc độ khai thác và quản lý, thực tế kinh nghiệm khai thác nhiều năm của Công ty đã chứng tỏ đội ngũ cán bộ quản lý, sỹ quan thuyền viên của Công ty hoàn toàn có đủ năng lực, kinh nghiệm quản lý khai thác tàu phục vụ kinh doanh vận tải biển trên thị trường trong và ngoài nước cũng như đủ khả năng giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình kinh doanh tàu.

Ở góc độ Công ty, việc đầu tư mua tàu là một tất yếu trong giai đoạn hiện nay, nhằm trẻ hóa đội tàu và tăng năng lực cạnh tranh của Công ty, cũng như hoàn thành chủ trương đầu tư năm 2025 đã được thông qua.

Dưới góc độ kinh tế xã hội ở quy mô nhỏ, dự án nếu được triển khai và thực hiện thành công sẽ mang lại nhiều lợi ích xã hội như tạo thêm việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, đóng góp thêm nguồn thuế cho ngân sách nhà nước, tăng thu ngoại tệ cho đất nước.

**CÔNG TY CP VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**DƯƠNG NGỌC TÚ**



**PHẦN TÍNH TOÁN HIỆU QUẢ**  
**DỰ ÁN KINH TẾ TÀU BIỂN CHỞ HÀNG KHÔ**  
**TRỌNG TẢI 28.000-35.000 DWT**

Biểu số 1

## KẾ HOẠCH TRẢ VỐN VÀ LÃI VAY TÍN DỤNG

Đơn vị : ngàn đồng

Năm	Kỳ trả nợ	Nợ đầu kỳ	Trả gốc trong kỳ	Trả lãi trong kỳ	Kỳ khoản thanh toán	Cộng cả năm
1	1	198.223.500	7.079.411	3.716.691	10.796.101	42.387.972
	2	191.144.089	7.079.411	3.583.952	10.663.362	
	3	184.064.679	7.079.411	3.451.213	10.530.623	
	4	176.985.268	7.079.411	3.318.474	10.397.884	
2	1	169.905.857	7.079.411	3.185.735	10.265.146	40.264.148
	2	162.826.446	7.079.411	3.052.996	10.132.407	
	3	155.747.036	7.079.411	2.920.257	9.999.668	
	4	148.667.625	7.079.411	2.787.518	9.866.929	
3	1	141.588.214	7.079.411	2.654.779	9.734.190	38.140.325
	2	134.508.804	7.079.411	2.522.040	9.601.451	
	3	127.429.393	7.079.411	2.389.301	9.468.712	
	4	120.349.982	7.079.411	2.256.562	9.335.973	
4	1	113.270.571	7.079.411	2.123.823	9.203.234	36.016.502
	2	106.191.161	7.079.411	1.991.084	9.070.495	
	3	99.111.750	7.079.411	1.858.345	8.937.756	
	4	92.032.339	7.079.411	1.725.606	8.805.017	
5	1	84.952.929	7.079.411	1.592.867	8.672.278	33.892.679
	2	77.873.518	7.079.411	1.460.128	8.539.539	
	3	70.794.107	7.079.411	1.327.390	8.406.800	
	4	63.714.696	7.079.411	1.194.651	8.274.061	
6	1	56.635.286	7.079.411	1.061.912	8.141.322	31.768.856
	2	49.555.875	7.079.411	929.173	8.008.583	
	3	42.476.464	7.079.411	796.434	7.875.844	
	4	35.397.054	7.079.411	663.695	7.743.105	
7	1	28.317.643	7.079.411	530.956	7.610.367	29.645.032
	2	21.238.232	7.079.411	398.217	7.477.628	
	3	14.158.821	7.079.411	265.478	7.344.889	
	4	7.079.411	7.079.411	132.739	7.212.150	
Tổng cộng			198.223.500	53.892.014	252.115.514	252.115.514

## Chi tiết

<b>A- Tổng giá trị đầu tư</b>	<b>332.150.000 ngàn đ</b>
1- Giá tàu	330.372.500
2- Thuế GTGT (5% được hoàn)	0
3- Thuế trước bạ	500.000
4- Chi phí giao nhận tàu	1.277.500 (=50.000 usd)
<b>B- Vốn tự có</b>	<b>133.926.500 ngàn đ</b>
<b>C- Vốn vay</b>	<b>198.223.500 ngàn đ</b>
1- Lãi suất vay	7,50% / năm
2- Thời hạn vay	7 năm
3- Kỳ trả nợ	4 kỳ / năm = 28 kỳ trả nợ
4- Tỷ giá USD/VND	25.550 (ngày 14/3/2025)



**BIỂU SỐ 2: BẢNG LƯƠNG THUYỀN VIÊN**

Đơn vị: VNĐ

Số tt/ No	Chức danh/ Rank	Hệ số lương CB/ Basic wage unit	Số ngày công/ Number of working day	Meb (VNĐ/giờ) (Basic wage per hour)	Lương cố định Lcb (VNĐ/TH) (Basic wage of monthly)	Lng (VNĐ/TH) (Monthly overtime wage)	Lương phép Lnp (VNĐ/TH)/ Leave pay (VNĐ/TH) (2,5 days per month)	Lương cố định Lcd (VNĐ/TH) (Monthly fixed wage)	Tổng tiền thưởng tối đa Theo h. qua sxkd. Đ.k làm việc; TV hoàn thành n.vụ (VNĐ) (maximum expected bonus)	Tổng cộng: tiền lương và thưởng Ltv (VNĐ)/ (Total monthly wages and maximum expected bonus)	Tổng lương năm
1	3	5	6	7	8 7*202	9 7*181,83	11	12 8 9 10	13 (95%)	15 12 13 14	17 15-16
1	Thuyền trưởng	2,45	31	58.362	11.750.000	10.670.324	1.129.808	23.550.132	31.449.868	55.000.000	660.000.000
2	Đại phó	2,04	31	48.676	9.800.000	8.899.433	942.308	19.641.741	23.558.259	43.200.000	518.400.000
3	Phó 2	1,93	31	45.944	9.250.000	8.399.942	889.423	18.539.365	16.960.635	35.500.000	426.000.000
4	Phó 3	1,72	31	40.977	8.250.000	7.491.825	793.269	16.535.094	14.964.906	31.500.000	378.000.000
5	Máy Trưởng	2,28	31	54.388	10.950.000	9.943.758	1.052.885	21.946.643	27.053.357	49.000.000	588.000.000
6	Máy 2	2,04	31	48.676	9.800.000	8.899.433	942.308	19.641.741	21.558.259	41.200.000	494.400.000
7	Máy 3	1,81	31	43.213	8.700.000	7.900.633	836.538	17.437.171	12.062.829	29.500.000	354.000.000
8	Máy 4	1,72	31	40.977	8.250.000	7.491.825	793.269	16.535.094	9.964.906	26.500.000	318.000.000
9	Thợ điện	1,26	31	30.050	6.050.000	5.494.042	581.731	12.125.773	10.874.227	23.000.000	276.000.000
10	Thủy thủ trưởng	1,60	31	38.246	7.700.000	6.992.516	740.385	15.432.901	7.067.099	22.500.000	270.000.000
11	Thủy thủ phó	1,26	31	31.540	6.350.000	5.766.458	610.577	12.727.035	6.272.965	19.000.000	228.000.000
12	Thủy Thủ	1,32	31	31.540	6.350.000	5.766.458	610.577	12.727.035	5.272.965	18.000.000	216.000.000
13	Thủy Thủ	1,20	31	30.050	6.050.000	5.494.042	581.731	12.125.773	4.874.227	17.000.000	204.000.000
14	Thủy Thủ	1,26	31	30.050	6.050.000	5.494.042	581.731	12.125.773	4.874.227	17.000.000	204.000.000
15	Thủy Thủ	1,20	31	28.560	5.750.000	5.221.625	552.885	11.524.510	2.475.490	14.000.000	168.000.000
16	Thợ ca	1,22	31	29.057	5.850.000	5.312.491	562.500	11.724.991	10.775.009	22.500.000	270.000.000
17	Thợ máy	1,20	31	30.050	6.050.000	5.494.042	581.731	12.125.773	4.874.227	17.000.000	204.000.000
18	Thợ máy	1,20	31	30.050	6.050.000	5.494.042	581.731	12.125.773	4.874.227	17.000.000	204.000.000

Số tt/ No	Chức danh/ Rank	Hệ số lương CB/ Basic wage unit	Số ngày công/ Number of working day	Mcb (VND/giờ) (Basic wage per hour)	Lương cố định Lcb (VND/TH) (Basic wage of monthly)	Lng (VND/TH) (Monthly overtime wage)	Lương phép Lnp (VND/TH)/ Leave pay (VND/TH) (2,5 days per month)	Lương cố định Lcd (VND/TH) (Monthly fixed wage)	Tổng tiền thưởng tối đa Theo h qua sxkd; Đ.k làm việc; TV hoàn thành n.vu (VND) (maximum expected bonus)	Tổng cộng: tiền lương và thưởng Ltv (VND)/ (Total monthly wages and maximum expected bonus)	Tổng lương năm
19	Thợ máy	1,26	31	30.050	6.050.000	5.494.042	581.731	12.125.773	4.874.227	17.000.000	204.000.000
20	Thợ máy	1,20	31	30.050	6.050.000	5.494.042	581.731	12.125.773	4.874.227	17.000.000	204.000.000
21	Thuyền Thủ	1,20	31	28.560	5.750.000	5.221.625	552.885	11.524.510	2.475.490	14.000.000	168.000.000
22	Bếp trưởng	1,21	31	28.808	5.800.000	5.266.967	557.692	11.624.659	10.375.341	22.000.000	264.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>682</b>	<b>807.874</b>	<b>162.650.000</b>	<b>147.703.607</b>	<b>15.639.426</b>	<b>325.993.033</b>	<b>242.406.967</b>	<b>568.400.000</b>	<b>6.820.800.000</b>

**6.820.800**



**BIỂU SỐ 3: CÁC CHỈ TIÊU KHAI THÁC THEO PHƯƠNG ÁN 1**  
Việt Nam - Indonesia - Việt Nam

TT	Chỉ tiêu khai thác	Tuyến 1	Tuyến 2
1	Mô tả tuyến hành trình	Việt Nam - Indonesia	Indonesia - Việt Nam
2	Quãng đường (hải lý)	1.250	1.250
3	Tốc độ bình quân (h.lý /giờ)	12,2	12,2
4	Ảnh hưởng thời tiết	5%	5%
5	Tên hàng vận chuyển	Gạo bao	Than
6	Hệ số chặt xếp (CBF/MT)		-
7	Khối lượng (MT)	30.000	30.000
8	Năng suất xếp (MT/ngày)	1.500	7.000
9	Năng suất dỡ (MT/ngày)	1.700	5.000

(Đơn vị: Ngày)

TT	Thời gian vận doanh	Việt Nam - Indonesia	Indonesia - Việt Nam	Cộng
1	Xếp hàng	20,00	4,29	24,29
2	Dỡ hàng	17,65	6,00	23,65
3	Chạy có hàng	4,48	4,48	8,97
4	Chạy không hàng	0,00	0,00	0,00
5	Chờ đợi	2,00	3,00	5,00
6	Thời gian chuyển	44,13	17,77	61,90

TT	Tiêu hao nhiên liệu	FO (MT/ngày)	DO (MT/ngày)	Đơn giá nhiên liệu	Nghìn đồng
A	Máy chính				
	Chạy có hàng	17,50	0,20	FO =	12.009
	Chạy không hàng	16,00	0,20	DO =	16.531
B	Máy đèn				
	Hành trình	1,20	0,00		
	Làm hàng	2,50	0,00		
	Sinh hoạt	1,00	1,03		

TT		Định mức tiêu thụ (lít/ngày)	Đơn giá (nghìn đ/lít)	Thành tiền(nghìn đ)
1	Dầu bôi trơn (LO)			
1	Dầu xi lanh	215	77	16.555
2	Dầu tuần hoàn	20	81	1.620
	Cộng			18.175

TT	Chi phí nhiên liệu chuyển	Thời gian (ngày)	FO (nghìn đ)	DO (nghìn đ)	LO (nghìn đ)
1	Xếp hàng	24,29	729.088	0	
2	Dỡ hàng	23,65	709.914	0	
3	Chạy có hàng	8,97	1.884.018	0	
4	Chạy không hàng	0,00	0	0	
5	Chờ đợi	5,00	60.043	85.134	
6	Tổng cộng	61,90	3.383.062	85.134	1.124.995

**Biểu số 4**  
**TỔNG HỢP CHI PHÍ KHAI THÁC PHƯƠNG ÁN 1**

*Đơn vị: nghìn đồng*

TT	Chi tiêu	Đơn vị	Năm thứ															Tổng cộng
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
1	Số ngày vận hành	Ngày	345	345	330	345	345	330	345	345	330	345	330	330	345	345	330	2.245.268.303
2	Số chuyến thực hiện	Chuyến	5,57	5,57	5,33	5,57	5,57	5,33	5,57	5,57	5,33	5,57	5,33	5,33	5,57	5,57	5,33	
3	Tổng sản lượng (T)	Tấn	334.421	334.421	319.881	334.421	334.421	319.881	334.421	334.421	319.881	334.421	319.881	319.881	334.421	334.421	319.881	
a	Sản lượng tuyến 1 (T)		167.211	167.211	159.941	167.211	167.211	159.941	167.211	167.211	159.941	167.211	159.941	159.941	167.211	167.211	159.941	
b	Sản lượng tuyến 2 (T)		167.211	167.211	159.941	167.211	167.211	159.941	167.211	167.211	159.941	167.211	159.941	159.941	167.211	167.211	159.941	
c	Giá cước tuyến 1	ngàn đồng/MT	536,55	536,55	536,55	563,38	563,38	563,38	563,38	563,38	591,55	621,12	621,12	621,12	621,12	621,12	621,12	
d	Giá cước tuyến 2		268,28	268,28	268,28	281,69	281,69	281,69	281,69	281,69	295,77	295,77	295,77	295,77	295,77	310,56	310,56	
<b>I</b>	<b>Tổng doanh thu</b>	<b>ngàn đồng</b>	<b>134.575.386</b>	<b>134.575.386</b>	<b>128.724.282</b>	<b>141.304.155</b>	<b>141.304.155</b>	<b>135.160.496</b>	<b>141.304.155</b>	<b>141.304.155</b>	<b>141.918.521</b>	<b>153.315.008</b>	<b>146.649.138</b>	<b>146.649.138</b>	<b>153.315.008</b>	<b>155.787.831</b>	<b>249.381.490</b>	
1	Doanh thu Tuyến 1		89.716.924	89.716.924	85.816.188	94.202.770	94.202.770	90.106.997	94.202.770	94.202.770	94.612.347	103.858.554	99.342.965	99.342.965	103.858.554	103.858.554	99.342.965	
2	Doanh thu Tuyến 2		44.858.462	44.858.462	42.908.094	47.101.385	47.101.385	45.053.499	47.101.385	47.101.385	47.306.174	49.456.454	47.306.174	47.306.174	49.456.454	51.929.277	49.671.482	
<b>II</b>	<b>Giá trị TS thu hồi</b>	-															<b>100.367.043</b>	
<b>III</b>	<b>Tổng chi phí</b>	-	<b>115.568.024</b>	<b>113.444.201</b>	<b>109.157.544</b>	<b>110.149.856</b>	<b>108.026.033</b>	<b>104.287.465</b>	<b>109.024.754</b>	<b>107.697.365</b>	<b>106.070.200</b>	<b>109.567.604</b>	<b>109.206.172</b>	<b>109.206.172</b>	<b>84.700.640</b>	<b>84.997.379</b>	<b>94.533.873</b>	1.575.637.283
<i>A</i>	<i>Chi phí khai thác</i>	-	<i>62.906.383</i>	<i>62.906.383</i>	<i>62.421.433</i>	<i>63.523.246</i>	<i>63.523.246</i>	<i>63.601.013</i>	<i>64.530.490</i>	<i>64.530.490</i>	<i>64.239.503</i>	<i>65.439.860</i>	<i>65.530.535</i>	<i>65.530.535</i>	<i>39.039.747</i>	<i>39.113.932</i>	<i>41.612.324</i>	
1	Khấu hao cơ bản	-	27.679.167	27.679.167	27.679.167	27.679.167	27.679.167	27.679.167	27.679.167	27.679.167	27.679.167	27.679.167	27.679.167	27.679.167				
2	Bảo hiểm	-	4.343.500	4.343.500	4.343.500	4.343.500	4.343.500	4.343.500	4.343.500	4.343.500	4.343.500	4.343.500	4.343.500	4.343.500	4.343.500	4.343.500	4.343.500	
a)	Thần may tàu	-	1.533.000	1.533.000	1.533.000	1.533.000	1.533.000	1.533.000	1.533.000	1.533.000	1.533.000	1.533.000	1.533.000	1.533.000	1.533.000	1.533.000	1.533.000	
b)	Trách nhiệm dân sự	-	2.810.500	2.810.500	2.810.500	2.810.500	2.810.500	2.810.500	2.810.500	2.810.500	2.810.500	2.810.500	2.810.500	2.810.500	2.810.500	2.810.500	2.810.500	
3	Sửa chữa	-	8.300.000	8.300.000	8.300.000	8.715.000	8.715.000	8.715.000	9.150.750	9.150.750	9.150.750	9.699.795	9.699.795	9.699.795	10.378.781	10.378.781	10.378.781	
a)	Sửa chữa lớn	-	6.300.000	6.300.000	6.300.000	6.615.000	6.615.000	6.615.000	6.945.750	6.945.750	6.945.750	7.362.495	7.362.495	7.362.495	7.877.870	7.877.870	7.877.870	
b)	Sửa chữa thường xuyên	-	2.000.000	2.000.000	2.000.000	2.100.000	2.100.000	2.100.000	2.205.000	2.205.000	2.205.000	2.337.300	2.337.300	2.337.300	2.500.911	2.500.911	2.500.911	
4	Vật tư, dầu bôi trơn	-	8.616.591	8.616.591	8.307.174	8.616.591	8.616.591	8.382.174	8.691.591	8.691.591	8.382.174	8.691.591	8.460.924	8.460.924	8.770.341	8.770.341	8.460.924	
	Dầu nhờn	-	6.270.375	6.270.375	5.997.750	6.270.375	6.270.375	5.997.750	6.270.375	6.270.375	5.997.750	6.270.375	5.997.750	5.997.750	6.270.375	6.270.375	5.997.750	
	Nước ngọt	-	846.216	846.216	809.424	846.216	846.216	809.424	846.216	846.216	809.424	846.216	809.424	809.424	846.216	846.216	809.424	
	Vật tư khác	-	1.500.000	1.500.000	1.500.000	1.500.000	1.500.000	1.575.000	1.575.000	1.575.000	1.575.000	1.575.000	1.653.750	1.653.750	1.653.750	1.653.750	1.653.750	
5	Chi phí thuyền viên	-	9.929.864	9.929.864	9.929.864	9.929.864	9.929.864	10.426.357	10.426.357	10.426.357	10.426.357	10.426.357	10.947.675	10.947.675	10.947.675	10.947.675	10.947.675	
a)	Lương thuyền viên	-	6.820.800	6.820.800	6.820.800	6.820.800	6.820.800	7.161.840	7.161.840	7.161.840	7.161.840	7.161.840	7.519.932	7.519.932	7.519.932	7.519.932	7.519.932	
b)	BHXH-BHYT-KPCĐ	-	1.398.264	1.398.264	1.398.264	1.398.264	1.398.264	1.468.177	1.468.177	1.468.177	1.468.177	1.468.177	1.541.586	1.541.586	1.541.586	1.541.586	1.541.586	
c)	Tiền ăn định lượng	-	910.800	910.800	910.800	910.800	910.800	956.340	956.340	956.340	956.340	956.340	1.004.157	1.004.157	1.004.157	1.004.157	1.004.157	
d)	Chi phí lao động khác	-	800.000	800.000	800.000	800.000	800.000	840.000	840.000	840.000	840.000	840.000	882.000	882.000	882.000	882.000	882.000	
6	Chi phí quản lý	-	4.037.262	4.037.262	3.861.728	4.239.125	4.239.125	4.054.815	4.239.125	4.239.125	4.257.556	4.599.450	4.399.474	4.399.474	4.599.450	4.673.635	7.481.445	
<i>B</i>	<i>Chi phí chuyển đi</i>	-	<i>34.554.050</i>	<i>34.554.050</i>	<i>33.051.700</i>	<i>34.688.626</i>	<i>34.688.626</i>	<i>33.180.425</i>	<i>38.927.751</i>	<i>38.927.751</i>	<i>37.573.141</i>	<i>39.528.293</i>	<i>39.276.163</i>	<i>39.276.163</i>	<i>41.061.443</i>	<i>41.209.813</i>	<i>45.440.104</i>	
7	Nhiên liệu	-	19.330.655	19.330.655	18.490.192	19.330.655	19.330.655	18.490.192	19.330.655	19.330.655	18.490.192	19.330.655	18.490.192	18.490.192	19.330.655	19.330.655	18.490.192	
a)	FO	-	18.856.145	18.856.145	18.036.313	18.856.145	18.856.145	18.036.313	18.856.145	18.856.145	18.036.313	18.856.145	18.036.313	18.036.313	18.856.145	18.856.145	18.036.313	



TT	Chi tiêu	Đơn vị	Năm thứ															Tổng cộng
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
b)	ĐO	-	474.510	474.510	453.879	474.510	474.510	453.879	474.510	474.510	453.879	474.510	453.879	453.879	474.510	474.510	453.879	
8	Cảng phí	-	12.531.888	12.531.888	11.987.023	12.531.888	12.531.888	11.987.023	12.531.888	12.531.888	11.987.023	12.531.888	11.987.023	11.987.023	12.531.888	12.531.888	11.987.023	
9	Phí tàu ga	-	0	0	0	0	0	0	4.239.125	4.239.125	4.257.556	4.599.450	5.865.966	5.865.966	6.132.600	6.231.513	9.975.260	
10	Phí môi giới	-	2.691.508	2.691.508	2.574.486	2.826.083	2.826.083	2.703.210	2.826.083	2.826.083	2.838.370	3.066.300	2.932.983	2.932.983	3.066.300	3.115.757	4.987.630	
C	Chi phí lãi vay	-	14.070.329	11.946.506	9.822.682	7.698.859	5.575.036	3.421.213	1.327.390									
D	Chi khác	-	4.037.262	4.037.262	3.861.728	4.239.125	4.239.125	4.051.813	4.239.125	4.239.125	4.257.556	4.599.450	1.399.474	1.399.474	4.599.450	1.673.635	7.481.445	
IV	Lợi nhuận trước thuế	-	19.007.362	21.131.185	19.566.738	31.154.299	33.278.122	30.873.031	32.279.401	33.606.790	35.848.321	43.747.405	37.442.966	37.442.966	68.614.368	70.790.452	154.847.617	669.631.020
V	Thuế TNDN (20%)	-	3.801.472	4.226.237	3.913.348	6.230.860	6.655.624	6.174.606	6.455.880	6.721.358	7.169.664	8.749.481	7.488.593	7.488.593	13.722.874	14.158.090	30.969.523	133.926.204
VI	Lợi nhuận sau thuế	-	15.205.889	16.904.948	15.653.390	24.923.439	26.622.498	24.698.425	25.823.521	26.885.432	28.678.657	34.997.924	29.954.373	29.954.373	54.891.494	56.632.361	123.878.093	535.704.816

Đvi · nghìn đồng

[illegible]



**BIỂU SỐ 6: CÁC CHỈ TIÊU KHAI THÁC THEO PHƯƠNG ÁN 2**

Việt Nam- Indonesia - China - Philippines - Việt Nam

TT	Chỉ tiêu khai thác	Tuyến 1	Tuyến 2	Tuyến 3	Tuyến 4
1	Mô tả tuyến hành trình	Việt Nam - Indonesia	Indonesia - China	China - Philippines	Philippines - Việt Nam
2	Quãng đường (hai lý)	1.250	2.300	1.300	1.350
3	Tốc độ bình quân (hly /giờ)	12,20	12,20	12,20	12,20
4	Ảnh hưởng thời tiết	5%	5%	5%	5%
5	Tên hàng vận chuyển	Gạo Bao	Quặng Nikel	Phân bón	Xi Măng Bạch
6	Hệ số chất xếp (CBF/MT)		-		
7	Khối lượng (MT)	30.000	24.000	30.000	30.000
8	Năng suất xếp (MT/ngày)	1.500	5.000	2.500	6.000
9	Năng suất dỡ (MT/ngày)	1.700	10.000	2.000	5.000

(Đơn vị: Ngày)

TT	Thời gian vận doanh (Ngày)	Việt Nam - Indonesia	Indonesia - China	China - Philippines	Philippines - Việt Nam	Cộng
1	Xếp hàng	20,00	4,80	12,00	5,00	41,80
2	Dỡ hàng	17,65	2,40	15,00	6,00	41,05
3	Chạy có hàng	4,48	8,25	4,66	4,84	22,23
4	Chạy không hàng	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
5	Chờ đợi	2,00	3,00	3,00	2,00	10,00
6	Thời gian chuyển	44,13	18,45	34,66	17,84	115,08

TT	Tiêu hao nhiên liệu	FO (MT/ngày)	DO (MT/ngày)	Đơn giá nhiên liệu	
A	Máy chính				
	Chạy có hàng	17,50	0,20	FO =	12.009
	Chạy không hàng	16,00	0,20	DO =	16.531
B	Máy đèn				
	Hành trình	1,20	0,00		
	Làm hàng	2,50	0,00		
	Sinh hoạt	1,00	1,03		

TT	Dầu bôi trơn (LO)	Mức tiêu thụ (lít/ngày)	Đơn giá (nghìn đ/lít)	Thành tiền (nghìn đ)
1	Dầu xi lanh	215,00	77,00	16.555,00
2	Dầu tuần hoàn	20,00	81,00	1.620,00
	Cộng			18.175,00

TT	Chi phí nhiên liệu chuyển	Thời gian (ngày)	FO (nghìn đ)	DO (nghìn đ)	LO (nghìn đ)
1	Xếp hàng	41,80	1.254.888	0	
2	Dỡ hàng	41,05	1.232.284	0	
3	Chạy có hàng	22,23	4.672.365	0	
4	Chạy không hàng	0,00	0	0	
5	Chờ đợi	10,00	120.085	170.268	
6	Tổng cộng	115,08	7.279.622	170.268	2.091.591

Đơn vị nghiên cứu

TT	Chi tiêu	Đơn vị	Năm thứ															Tổng cộng
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
1	Số ngày vận doanh	Ngày	345	345	330	345	345	330	345	345	330	345	330	330	345	345	330	2.419.428.196
2	Số chuyến thực hiện	Chuyến	3,00	3,00	2,87	3,00	3,00	2,87	3,00	3,00	2,87	3,00	2,87	2,87	3,00	3,00	2,87	
3	Tổng sản lượng	Tấn	341.760	341.760	326.901	341.760	341.760	326.901	341.760	341.760	326.901	341.760	326.901	326.901	341.760	341.760	326.901	
a	Sản lượng Tuyến 1	ngàn đồng/MT	89.937	89.937	86.027	89.937	89.937	86.027	89.937	89.937	86.027	89.937	86.027	86.027	89.937	89.937	86.027	
b	Sản lượng Tuyến 2		71.950	71.950	68.821	71.950	71.950	68.821	71.950	71.950	68.821	71.950	68.821	68.821	71.950	71.950	68.821	
c	Sản lượng Tuyến 3		89.937	89.937	86.027	89.937	89.937	86.027	89.937	89.937	86.027	89.937	86.027	86.027	89.937	89.937	86.027	
d	Sản lượng Tuyến 4		89.937	89.937	86.027	89.937	89.937	86.027	89.937	89.937	86.027	89.937	86.027	86.027	89.937	89.937	86.027	
4	Giá cước																	
a	Giá cước Tuyến 1		536,55	536,55	536,55	563,38	563,38	563,38	563,38	563,38	563,38	591,55	621,12	621,12	621,12	621,12	621,12	
b	Giá cước Tuyến 2		383,25	383,25	383,25	383,25	402,41	402,41	402,41	402,41	402,41	422,53	422,53	422,53	422,53	422,53	422,53	
c	Giá cước Tuyến 3		472,68	472,68	472,68	472,68	496,31	496,31	496,31	496,31	496,31	521,12	521,12	521,12	521,12	521,12	521,12	
d	Giá cước Tuyến 4		319,38	319,38	319,38	335,34	335,34	335,34	335,34	335,34	335,34	352,11	352,11	352,11	352,11	352,11	352,11	
I	Tổng doanh thu		ngàn đồng	147.064.843	147.064.843	140.670.720	150.913.806	154.418.085	147.704.255	154.418.085	154.418.085	155.089.468	164.799.082	157.633.905	157.633.905	164.799.082	164.799.082	258.000.948
1	Doanh thu Tuyến 1		48.255.652	48.255.652	46.157.580	50.668.434	50.668.434	48.465.459	50.668.434	50.668.434	50.888.732	55.861.949	53.433.168	53.433.168	55.861.949	55.861.949	53.433.168	
2	Doanh thu Tuyến 2		27.574.658	27.574.658	26.375.760	27.574.658	28.953.391	27.694.548	28.953.391	28.953.391	29.079.275	30.401.061	29.079.275	29.079.275	30.401.061	30.401.061	29.079.275	
3	Doanh thu Tuyến 3		42.510.931	42.510.931	40.662.630	42.510.931	44.636.478	42.695.761	44.636.478	44.636.478	44.830.549	46.868.302	44.830.549	44.830.549	46.868.302	46.868.302	44.830.549	
4	Doanh thu Tuyến 4		28.723.602	28.723.602	27.474.750	30.159.782	30.159.782	28.848.487	30.159.782	30.159.782	30.290.912	31.667.771	30.290.912	30.290.912	31.667.771	31.667.771	30.290.912	
II	Giá trị TS thu hồi	-															100.367.043	
III	Tổng chi phí	-	124.625.145	122.501.322	117.820.878	118.995.837	117.169.878	117.464.879	118.562.017	117.234.628	115.298.716	120.625.478	118.316.778	118.316.778	94.225.365	94.225.365	103.862.478	1.719.245.542
A	Chi phí khai thác	-	63.281.067	63.281.067	62.779.826	63.811.536	63.916.664	63.977.326	64.923.907	64.923.907	64.634.632	65.784.382	65.860.078	65.860.078	39.384.269	39.384.269	41.870.908	
1	Khấu hao cơ bản	-	27.679.167	27.679.167	27.679.167	27.679.167	27.679.167	27.679.167	27.679.167	27.679.167	27.679.167	27.679.167	27.679.167	27.679.167				
2	Bảo hiểm	-	4.343.500	4.343.500	4.343.500	4.343.500	4.343.500	4.343.500	4.343.500	4.343.500	4.343.500	4.343.500	4.343.500	4.343.500	4.343.500	4.343.500	4.343.500	
a)	Thân máy tàu	-	1.533.000	1.533.000	1.533.000	1.533.000	1.533.000	1.533.000	1.533.000	1.533.000	1.533.000	1.533.000	1.533.000	1.533.000	1.533.000	1.533.000	1.533.000	
b)	Trách nhiệm dân sự	-	2.810.500	2.810.500	2.810.500	2.810.500	2.810.500	2.810.500	2.810.500	2.810.500	2.810.500	2.810.500	2.810.500	2.810.500	2.810.500	2.810.500	2.810.500	
3	Sửa chữa	-	8.300.000	8.300.000	8.300.000	8.715.000	8.715.000	8.715.000	9.150.750	9.150.750	9.150.750	9.699.795	9.699.795	9.699.795	10.378.781	10.378.781	10.378.781	
a)	Sửa chữa lớn	-	6.300.000	6.300.000	6.300.000	6.615.000	6.615.000	6.615.000	6.945.750	6.945.750	6.945.750	7.362.495	7.362.495	7.362.495	7.877.870	7.877.870	7.877.870	
b)	Sửa chữa th/ xuyên	-	2.000.000	2.000.000	2.000.000	2.100.000	2.100.000	2.100.000	2.205.000	2.205.000	2.205.000	2.337.300	2.337.300	2.337.300	2.500.911	2.500.911	2.500.911	
4	Vật tư, dầu bôi trơn	-	8.616.591	8.616.591	8.307.174	8.616.591	8.616.591	8.382.174	8.691.591	8.691.591	8.382.174	8.691.591	8.460.924	8.460.924	8.770.341	8.770.341	8.460.924	
	Dầu nhớt	-	6.270.375	6.270.375	5.997.750	6.270.375	6.270.375	5.997.750	6.270.375	6.270.375	5.997.750	6.270.375	5.997.750	5.997.750	6.270.375	6.270.375	5.997.750	
	Nước ngọt	-	846.216	846.216	809.424	846.216	846.216	809.424	846.216	846.216	809.424	846.216	809.424	809.424	846.216	846.216	809.424	
	Vật tư khác	-	1.500.000	1.500.000	1.500.000	1.500.000	1.500.000	1.575.000	1.575.000	1.575.000	1.575.000	1.575.000	1.653.750	1.653.750	1.653.750	1.653.750	1.653.750	
5	Chi phí thuyền viên	-	9.929.864	9.929.864	9.929.864	9.929.864	9.929.864	10.426.357	10.426.357	10.426.357	10.426.357	10.426.357	10.947.675	10.947.675	10.947.675	10.947.675	10.947.675	
a)	Lương thuyền viên	-	6.820.800	6.820.800	6.820.800	6.820.800	6.820.800	7.161.840	7.161.840	7.161.840	7.161.840	7.161.840	7.519.932	7.519.932	7.519.932	7.519.932	7.519.932	

[illegible]



### Biểu số 8

Đvi : nghìn đồng

[illegible]

**Biểu số 9**  
**TỔNG HỢP CHI PHÍ KHAI THÁC PHƯƠNG ÁN 3**

**phương án cho thuê định hạn**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm thứ															Tổng cộng
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
I	Số ngày vận doanh	Ngày	345	345	330	345	345	330	345	345	330	345	330	330	345	345	330	1.406.987.400
2	Giá cho thuê/ngày	VND	260.610	260.610	260.610	260.610	260.610	275.940	275.940	275.940	275.940	275.940	293.825	293.825	293.825	293.825	293.825	
I	Tổng doanh thu	VND	89.910.450	89.910.450	86.001.300	89.910.450	89.910.450	91.060.200	95.199.300	95.199.300	91.060.200	95.199.300	96.962.250	96.962.250	101.369.625	101.369.625	96.962.250	100.367.043
II	Giá trị TS thu hồi	-																
III	Tổng chi phí	-	77.884.525	67.460.702	64.812.459	63.213.056	61.089.232	59.290.722	57.703.966	56.376.576	55.839.509	56.376.576	56.764.189	56.764.189	29.636.845	29.636.845	29.085.023	821.934.415
1	Khấu hao cơ bản	-	27.679.167	27.679.167	27.679.167	27.679.167	27.679.167	27.679.167	27.679.167	27.679.167	27.679.167	27.679.167	27.679.167	27.679.167				
2	Bảo hiểm	-	4.343.500	4.343.500	4.343.500	4.343.500	4.343.500	4.343.500	4.343.500	4.343.500	4.343.500	4.343.500	4.343.500	4.343.500	4.343.500	4.343.500	4.343.500	100.367.043
a)	Thần máy tàu	-	1.533.000	1.533.000	1.533.000	1.533.000	1.533.000	1.533.000	1.533.000	1.533.000	1.533.000	1.533.000	1.533.000	1.533.000	1.533.000	1.533.000	1.533.000	
b)	Trách nhiệm dân sự	-	2.810.500	2.810.500	2.810.500	2.810.500	2.810.500	2.810.500	2.810.500	2.810.500	2.810.500	2.810.500	2.810.500	2.810.500	2.810.500	2.810.500	2.810.500	10.378.781
3	Sửa chữa	-	8.300.000	8.300.000	8.300.000	8.715.000	8.715.000	8.715.000	9.150.750	9.150.750	9.150.750	9.699.795	9.699.795	9.699.795	10.378.781	10.378.781	10.378.781	
a)	Sửa chữa lớn	-	6.300.000	6.300.000	6.300.000	6.615.000	6.615.000	6.615.000	6.945.750	6.945.750	6.945.750	7.362.495	7.362.495	7.362.495	7.877.870	7.877.870	7.877.870	2.500.911
b)	Sửa chữa th/ xuyên	-	2.000.000	2.000.000	2.000.000	2.100.000	2.100.000	2.100.000	2.205.000	2.205.000	2.205.000	2.337.300	2.337.300	2.337.300	2.500.911	2.500.911	2.500.911	
4	Vật tư, dầu bôi trơn	-	8.616.591	8.616.591	8.307.174	8.616.591	8.616.591	8.382.174	8.691.591	8.691.591	8.382.174	8.691.591	8.460.924	8.460.924	8.770.341	8.770.341	8.460.924	5.997.750
	Dầu nhớt	-	6.270.375	6.270.375	5.997.750	6.270.375	6.270.375	5.997.750	6.270.375	6.270.375	5.997.750	6.270.375	5.997.750	5.997.750	6.270.375	6.270.375	5.997.750	
	Nước ngọt	-	846.216	846.216	809.424	846.216	846.216	809.424	846.216	846.216	809.424	846.216	809.424	809.424	846.216	846.216	809.424	1.653.750
	Vật tư khác	-	1.500.000	1.500.000	1.500.000	1.500.000	1.500.000	1.575.000	1.575.000	1.575.000	1.575.000	1.575.000	1.653.750	1.653.750	1.653.750	1.653.750	1.653.750	
5	Chi phí thuyền viên	-	9.929.864	9.929.864	9.929.864	9.929.864	9.929.864	10.426.357	10.426.357	10.426.357	10.426.357	10.426.357	10.947.675	10.947.675	10.947.675	10.947.675	10.947.675	7.519.932
a)	Lương thuyền viên	-	6.820.800	6.820.800	6.820.800	6.820.800	6.820.800	7.161.840	7.161.840	7.161.840	7.161.840	7.161.840	7.519.932	7.519.932	7.519.932	7.519.932	7.519.932	
b)	BHXH-BHYT-KPCĐ	-	1.398.264	1.398.264	1.398.264	1.398.264	1.398.264	1.468.177	1.468.177	1.468.177	1.468.177	1.468.177	1.541.586	1.541.586	1.541.586	1.541.586	1.541.586	1.004.157
c)	Tiền ăn định lượng	-	910.800	910.800	910.800	910.800	910.800	956.340	956.340	956.340	956.340	956.340	1.004.157	1.004.157	1.004.157	1.004.157	1.004.157	
d)	Chi phí lao động khác	-	800.000	800.000	800.000	800.000	800.000	840.000	840.000	840.000	840.000	840.000	882.000	882.000	882.000	882.000	882.000	2.908.868
6	Chi phí quản lý	-	2.697.314	2.697.314	2.580.039	2.697.314	2.697.314	2.731.806	2.855.979	2.855.979	2.731.806	2.855.979	2.908.868	2.908.868	3.041.089	3.041.089	2.908.868	
7	Chi phí lãi vay	-	14.070.329	11.946.506	9.822.682	7.698.859	5.575.036	3.451.213	1.327.390									2.424.056
8	Chi khác	-	2.247.761	2.247.761	2.150.033	2.247.761	2.247.761	2.276.505	2.379.983	2.379.983	2.276.505	2.379.983	2.424.056	2.424.056	2.534.241	2.534.241	2.424.056	
IV	Lợi nhuận trước thuế	-	12.025.925	22.449.748	21.188.841	26.697.394	28.821.218	31.769.478	37.495.334	38.822.724	35.220.691	38.822.724	40.198.061	40.198.061	71.732.780	71.732.780	67.877.227	585.052.985
V	Thuế TNDN (20%)	-	2.445.703	4.938.945	4.661.545	5.873.427	6.340.668	6.989.285	8.248.974	8.540.999	7.748.552	8.540.999	8.843.573	8.843.573	15.781.212	15.781.212	14.932.990	
VI	Lợi nhuận sau thuế	-	9.380.221	17.510.803	16.527.296	20.823.968	22.480.550	24.780.193	29.246.361	30.281.724	27.472.139	30.281.724	31.354.487	31.354.487	55.951.568	55.951.568	52.944.237	456.341.328

Dvi : nghìn đồng

[illegible]



## TỜ TRÌNH

V/v chuyển niêm yết cổ phiếu Vinaship từ UpCoM sang HOSE

### **Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG VINASHIP**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần vận tải biển Vinaship;
- Căn cứ vào tình hình và nhu cầu hoạt động thực tế của Công ty.

Để khai thác các tiềm năng và lợi thế của Công ty nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển mạnh mẽ về quy mô công ty trong thời gian tới; đồng thời, tăng cường tính minh bạch, nâng cao tiềm lực và giá trị, vị thế cổ phiếu của Công ty, thu hút sự quan tâm của các nhà đầu tư lớn, mang lại lợi ích cho cổ đông hiện tại và nhà đầu tư trong tương lai, Hội đồng quản trị Công ty đề xuất và xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông thông qua Phương án chuyển sàn giao dịch cổ phiếu của công ty (VNA) từ sàn đăng ký giao dịch UpCoM sang niêm yết tại HOSE, cụ thể như sau:

#### **1. Hủy đăng ký giao dịch cổ phiếu VNA tại UpCoM và chuyển sang đăng ký niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE)**

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship
- Mã chứng khoán: VNA
- Mệnh giá: 10.000 đồng
- Số lượng cổ phiếu đăng ký hủy tại UPCOM: Toàn bộ số lượng cổ phiếu đang lưu hành và đăng ký giao dịch trên UPCOM tại thời điểm hủy.

**2. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty Quyết định và tổ chức thực hiện tất cả các công việc, thủ tục liên quan để hoàn tất việc niêm yết toàn bộ cổ phiếu của Công ty tại HOSE; bao gồm nhưng không giới hạn:**

- a. Hủy đăng ký giao dịch cổ phiếu trên UPCOM toàn bộ số lượng cổ phiếu đã phát hành tại thời điểm ký niêm yết.

b. Tổ chức lập và phê duyệt hồ sơ đăng ký niêm yết toàn bộ số lượng cổ phiếu đã phát hành tại thời điểm đăng ký niêm yết tại HOSE

c. Quyết định lựa chọn đơn vị tư vấn niêm yết chứng khoán

d. Ký các văn bản, hồ sơ; đăng ký/xin chấp thuận tại cơ quan có thẩm quyền và thực hiện công việc khác có liên quan

(i). Tùy từng trường hợp cụ thể, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT hoặc Tổng giám đốc công ty để thực hiện một hoặc một số công việc cụ thể nêu trên

(ii) Thời gian thực hiện: Sau khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 thông qua, Hội đồng quản trị công ty chủ động lựa chọn thời điểm phù hợp với tình hình thị trường chứng khoán và điều kiện thực tế để hoàn tất các thủ tục nêu trên.

Kính trình Đại hội xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ Vinaship;
- Các TV HĐQT, BKS
- Lưu VP-HĐQT.



**Nguyễn Ngọc Ánh**



Số: 137/VNS-HĐQT

Hải Phòng, ngày 18 tháng 4 năm 2025

**TỜ TRÌNH**

V/v thông qua sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG VINASHIP

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020;

Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty CP vận tải biển Vinaship (Công ty);

Căn cứ nhu cầu, cơ cấu tổ chức của Công ty, kính trình Đại hội thông qua nội dung sửa đổi điều lệ Công ty cụ thể như sau:

<b>Nội dung Điều lệ hiện tại</b>	<b>Nội dung Điều lệ sau sửa đổi</b>
<b>Điều 37. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</b>  2. Hội đồng quản trị có quyền hạn và nghĩa vụ sau đây:  n. Chấp thuận đề Tổng giám đốc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Giám đốc/Phó giám đốc các chi nhánh trực thuộc, Trưởng phòng/Phó trưởng phòng và tương đương;	<b>Điều 37. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</b>  2. Hội đồng quản trị có quyền hạn và nghĩa vụ sau đây:  <i>n. Chấp thuận đề Tổng giám đốc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Giám đốc các chi nhánh, Trưởng phòng và các vị trí tương đương;</i>
<b>Điều 47. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc</b>  4. Tổng giám đốc có quyền và nghĩa vụ sau:  e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh Giám đốc/Phó giám đốc các chi nhánh trực thuộc, Trưởng phòng/Phó trưởng phòng và tương	<b>Điều 47. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc</b>  4. Tổng giám đốc có quyền và nghĩa vụ sau:  <i>e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh Giám đốc các chi nhánh, Trưởng phòng và các vị trí tương đương sau khi đã được Hội đồng quản trị chấp thuận. Các chức danh khác không thuộc</i>



Nội dung Điều lệ hiện tại	Nội dung Điều lệ sau sửa đổi
đương sau khi đã được Hội đồng quản trị chấp thuận.	<i>thẩm quyền chấp thuận của Hội đồng quản trị, do Tổng giám đốc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nhu cầu công việc.</i>

Kính trình Đại hội xem xét thông qua./.

**Nơi nhận:**

- Cổ đông Công ty
- Các TV HĐQT, BKS
- Lưu VP HĐQT



**Nguyễn Ngọc Ánh**